

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Trần Thế Cường (Tổng Chủ biên)

Trần Ngọc Diệp (Chủ biên)

Tiêu Thị Mỹ Hồng – Dương Thị Oanh – Mai Thị Phương

Nguyễn Hoài Thu – Đoàn Quỳnh Thương

TÀI LIỆU

GIÁO DỤC

ĐỊA PHƯƠNG

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

LỚP

9

Mục lục

	Trang
Chủ đề 1. Giá trị lịch sử, văn hoá truyền thống của Hà Nội	5
Chủ đề 2. Giải pháp bảo tồn và phát huy văn hoá truyền thống của Hà Nội	12
Chủ đề 3. Học sinh Hà Nội tìm hiểu về năng lực pháp luật của người lao động	17
Chủ đề 4. Học sinh Hà Nội tham gia phòng, chống tệ nạn xã hội	26
Chủ đề 5. Đô thị hoá với phát triển bền vững ở thành phố Hà Nội	34
Chủ đề 6. Các ngành kinh tế chủ yếu của Hà Nội	42
Chủ đề 7. Hệ sinh thái đa dạng của thành phố Hà Nội	48
Giải thích thuật ngữ	59
Nguồn tư liệu ảnh	63

Giá trị lịch sử, văn hoá truyền thống của Hà Nội

Mục tiêu

- Trình bày được những giá trị lịch sử của Hà Nội.
- Nêu lên được những giá trị văn hoá truyền thống của Hà Nội.
- Liên hệ trách nhiệm của học sinh trong việc phát huy những giá trị lịch sử và văn hoá truyền thống của Hà Nội trong thời đại ngày nay.

Mở đầu

Trải qua quá trình lịch sử lâu đời, Hà Nội đã kết tinh nên những giá trị lịch sử và văn hoá truyền thống. Những giá trị đó đã tạo nên một Hà Nội hào hùng, hoà chung vào dòng chảy của lịch sử, văn hoá dân tộc.



Dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của bản thân, em hãy nêu những giá trị lịch sử và văn hoá truyền thống của Hà Nội mà em biết.

Kiến thức mới

Vị thế thủ đô của Hà Nội trong lịch sử dân tộc

Hoà chung vào dòng chảy của lịch sử dân tộc, Hà Nội đã tạo nên nhiều giá trị lịch sử tốt đẹp. Một trong những giá trị lịch sử tiêu biểu nhất của Hà Nội đó là vị thế thủ đô trong phần lớn tiến trình lịch sử của đất nước ta.

a. Kinh đô Cổ Loa

Trong lịch sử, vùng đất Cổ Loa (huyện Đông Anh) đã hai lần được chọn làm kinh đô của đất nước ta vào thời Âu Lạc (208 TCN – 179 TCN) và thời Ngô (939 – 944).

Sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống quân Tần xâm lược, An Dương Vương lập nên nước Âu Lạc và chọn Cổ Loa (nay thuộc huyện Đông Anh) làm kinh đô. Tại kinh đô mới, An Dương Vương cho xây dựng thành Cổ Loa, vừa là trung tâm chính trị, vừa là phòng tuyến bảo vệ quốc gia. Từ đây, vùng đất Hà Nội bắt đầu đi vào lịch sử dân tộc với vị thế là kinh đô của đất nước.



Hình 1.1. Mô hình thành Cổ Loa

EM CÓ BIẾT?

Trong các cuộc đấu tranh giành độc lập thời Bắc thuộc, vùng đất Hà Nội nhiều lần được chọn làm kinh đô: Sau khi đánh đuổi được quân Hán, Trưng Trắc xưng vương, đóng đô ở Mê Linh (Mê Linh, Hà Nội). Năm 544, Lý Nam Đế lập nước Vạn Xuân, đóng đô ở vùng cửa sông Tô Lịch (Hà Nội).

Đến thời Ngô (939 – 944), Cổ Loa một lần nữa được chọn là kinh đô của đất nước. Sau chiến thắng Bạch Đằng năm 938, Ngô Quyền lập nên nhà Ngô, mở ra thời kì độc lập tự chủ lâu dài của đất nước ta. Tại Cổ Loa, Ngô Quyền thiết lập bộ máy chính quyền mới, mở đầu cho nền độc lập dân tộc ở các thời kì sau.

b. Kinh đô Thăng Long

Năm 1010, trước yêu cầu phát triển của đất nước, Lý Thái Tổ ban hành Chiếu dời đô, chuyển kinh đô từ Hoa Lư về Đại La và đổi tên là Thăng Long. Nhà Lý đã mở đầu cho thời kì phát triển của các triều đại phong kiến của đất nước. Thăng Long trở thành trung tâm chính trị, kinh tế và văn hoá của cả nước.

Hoàng thành Thăng Long được các triều đại phong kiến nối tiếp nhau xây dựng và mở rộng. Tại di tích khảo cổ số 18 Hoàng Diệu (quận Ba Đình), các nhà khảo cổ đã phát hiện nhiều hiện vật quý giá. Di tích này là minh chứng sống động cho quá trình phát triển của lịch sử Hà Nội và lịch sử dân tộc từ thời tiền Thăng Long (khoảng thế kỉ VII) cho đến thời Nguyễn (thế kỉ XX).

Thăng Long chủ yếu giữ vị thế là kinh đô từ năm 1010 đến năm 1788, tức là từ thời Lý đến hết thời Hậu Lê.

Dưới thời Tây Sơn và thời Nguyễn, Thăng Long không còn là kinh đô nhưng vẫn giữ vị trí quan trọng của cả nước.



Hình 1. 2. Di tích khảo cổ số 18 Hoàng Diệu (quận Ba Đình)

EM CÓ BIẾT?

Thời nhà Hồ (1400 - 1407), kinh đô được đặt ở Tây Đô (Thanh Hoá), Thăng Long được đổi tên thành Đông Đô.

Trong giai đoạn nhà Minh cai trị đất nước ta (1407 – 1427), Đông Đô bị đổi tên thành Đông Quan.

c. Thủ đô Hà Nội

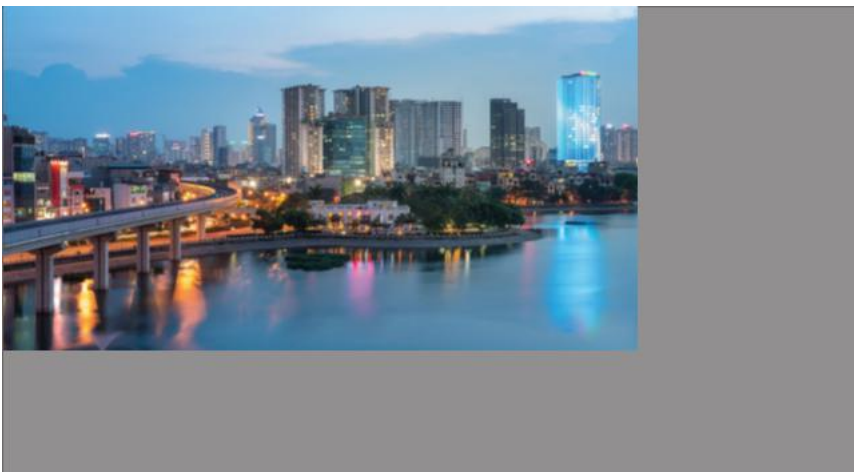
Ngày 2 – 9 – 1945, tại Quảng trường Ba Đình (Hà Nội), Bác Hồ đọc bản *Tuyên ngôn Độc lập*, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Năm 1946, trong Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, thành phố Hà Nội được chọn là Thủ đô của nước Việt Nam độc lập.

Sau đại thắng mùa xuân năm 1975, miền Nam được hoàn toàn giải phóng, đất nước Việt Nam đã được độc lập, thống nhất. Tháng 7 – 1976, tại kì họp đầu tiên của Quốc hội khoá VI, Hà Nội trở thành Thủ đô của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho tới ngày nay.



Hình 1.3. Quảng trường Ba Đình và lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh (quận Ba Đình)

Ngày nay, với sự phát triển mạnh mẽ của các lĩnh vực kinh tế, chính trị, khoa học công nghệ,... với bề dày lịch sử quý giá, Hà Nội đang tiếp tục phát huy vị thế là một thủ đô hoà bình và phát triển.



Hình 1.4. Một góc Hà Nội ngày nay



Em hãy trình bày những nét chính về vị thế thủ đô của Hà Nội trong lịch sử dân tộc.

Văn hoá truyền thống của Hà Nội

Văn hoá truyền thống của Hà Nội là kết quả của quá trình lao động sản xuất, nếp sống của người dân qua hàng nghìn năm lịch sử. Là kinh đô của đất nước trong nhiều thế kỉ, Hà Nội đã chắt lọc những tinh hoa văn hoá từ khắp các vùng miền để tạo nên những giá trị văn hoá truyền thống vừa đặc trưng, vừa phong phú.

a. Truyền thống lao động sáng tạo

Hà Nội là vùng đất “khéo tay hay làm”, tiêu biểu cho truyền thống lao động cần cù, sáng tạo của nhân dân ta. Từ sự chăm chỉ và bàn tay tài hoa của người nông dân, người thợ thủ công, nhiều làng nghề truyền thống đã được hình thành ở Hà Nội.

Nghề nông truyền thống của Hà Nội gồm trồng hoa, trồng dâu nuôi tằm, trồng cây thuốc, trồng lúa và các loại cây ăn quả.



Hình 1.5. Làng hoa Nhật Tân

Có rất nhiều làng hoa nổi tiếng như Nhật Tân (quận Tây Hồ), Mê Linh (huyện Mê Linh),... Nghề trồng dâu nuôi tằm ven Hồ Tây, nghề trồng cây thuốc Đại Yên (quận Ba Đình). Nghề trồng lúa tẻ, lúa nếp với những đặc sản nổi tiếng: cốm Mễ Trì (quận Nam Từ Liêm), bánh dày Quán Gánh (huyện Thường Tín),... Nghề trồng cây ăn quả ở Hà Nội có các loại quả thơm ngon nức tiếng như bưởi Diễn (quận Bắc Từ Liêm), ổi Quảng Bá (quận Tây Hồ),...

EM CÓ BIẾT?

Một số câu ca dao về sản vật nổi tiếng của Hà Nội:

“Ổi Quảng Bá, cá Hồ Tây

Hàng Đào tơ lụa làm say lòng người.”

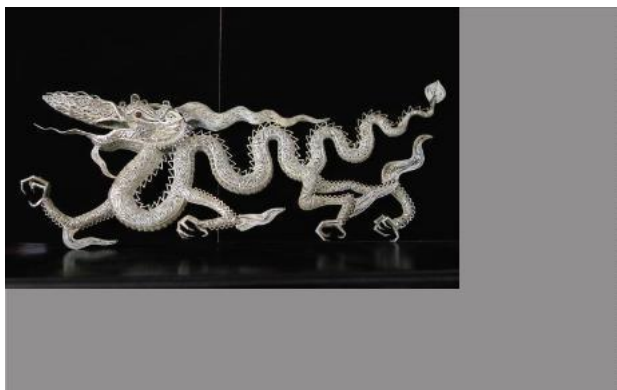
“Cốm Vòng thơm mãi bàn tay

Đi xa Hà Nội nhớ ngày cốm thơm.”

Nghề thủ công ở Hà Nội vô cùng phong phú với nhiều sản phẩm phục vụ đời sống vật chất và tinh thần của người dân. Nghề thủ công đòi hỏi bàn tay khéo léo, tỉ mỉ, tinh tế của người thợ. Có thể kể đến một số làng thủ công truyền thống tiêu biểu ở Hà Nội như: làng gốm Bát Tràng (huyện Gia Lâm), làng lụa Vạn Phúc (quận Hà Đông), làng mây tre đan Phú Vinh (huyện Chương Mỹ), làng nghề thêu tay Quất Động (huyện Thường Tín), làng nghề đậu bạc Định Công (quận Hoàng Mai),... và rất nhiều làng nghề thủ công khác.



Hình 1.6. Không gian trưng bày các sản phẩm của làng gốm Bát Tràng



Hình 1.7. Một sản phẩm của nghề đậu bạc Định Công (quận Hoàng Mai)

Những làng nghề truyền thống của Hà Nội là nơi bảo lưu nhiều giá trị văn hoá, nghệ thuật và tạo thu nhập cho người dân.

EM CÓ BIẾT?

Nghề đậu bạc Định Công

Nghề đậu bạc Định Công là một trong bốn nghề tinh hoa nhất kinh thành Thăng Long xưa: “Lĩnh hoa Yên Thái, đồ gốm Bát Tràng, thợ vàng Định Công, thợ đồng Ngũ Xả”.

Nghề kim hoàn có bốn kĩ thuật chính, gồm: trôn, đấu, chạm, đậu. Trong đó, kĩ thuật “đậu” là thao tác khó nhất. “Đậu” là kéo bạc đã nung chảy thành sợi, sau đó se thành từng sợi mảnh như tóc để tạo nên hoa tiết cho đồ trang sức, mỹ nghệ.

Nghề đậu bạc Định Công đòi hỏi sự khắt khe trong kĩ thuật và sự thẩm mỹ, tinh tế của người thợ.

b. Đời sống văn hoá tinh thần

Đời sống văn hoá tinh thần của người Hà Nội thể hiện trong nếp sống thanh lịch và những giá trị văn hoá dân gian đặc sắc.

Nếp sống thanh lịch của người Hà Nội được phản ánh đa dạng trong đời sống hằng ngày như giao tiếp, ẩm thực, trang phục,... Trong giao tiếp, người Hà Nội có lối ứng xử tế nhị, lịch sự. Đối với ẩm thực, sự tinh tế, cầu kì được thể hiện trong việc chế biến, bài trí các món ăn. Những thức quà như cốm, bún thang, trà sen,... không chỉ là đồ ăn, thức uống mà nó còn biểu tượng cho sự giản dị mà thanh tao của người Hà Nội. Qua từng thời kì, trang phục của người Hà Nội có nhiều thay đổi, nhưng sự lịch thiệp, trang nhã vẫn là những đặc nét đặc trưng riêng.



Hình 1.8. Nghệ thuật ướp trà sen của người dân phường Quảng An (quận Tây Hồ)

Giá trị văn hoá dân gian đặc sắc của Hà Nội được hội tụ trong những lễ hội truyền thống và nghệ thuật trình diễn dân gian.

Những lễ hội truyền thống như hội Gióng, lễ hội Cổ Loa, lễ hội Gò Đống Đa,... là nơi thể hiện sinh động đời sống văn hoá truyền thống của người Hà Nội. Mỗi lễ hội là một nét đẹp riêng, hoà chung vào không gian văn hoá của Hà Nội và cả nước. Các lễ hội đã khơi dậy tình yêu quê hương đất nước, lòng tự hào dân tộc, đạo lí “uống nước nhớ nguồn” và củng cố tinh đoàn kết trong cộng đồng.



Hình 1.9. Lễ hội Gò Đống Đa (quận Đống Đa)

Nghệ thuật trình diễn dân gian ở Hà Nội như hát chèo, múa rối nước, ca trù có lịch sử phát triển từ lâu đời, phản ánh đời sống sinh hoạt của người dân và ước mong về một cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Những hình thức nghệ thuật này thể hiện đời sống văn hoá tinh thần phong phú của người dân thủ đô, đồng thời là nét đẹp văn hoá dân gian đặc sắc.



Hình 1.10. Làng rối nước Đào Thục (huyện Đông Anh)



- Kể tên các nghề nông và nghề thủ công truyền thống ở Hà Nội.
- Đời sống văn hoá tinh thần của người Hà Nội thể hiện qua những biểu hiện nào? Em hãy nêu ví dụ cụ thể của từng biểu hiện.



Luyện tập

1. Em hãy trình bày mối quan hệ giữa giá trị lịch sử và giá trị văn hoá truyền thống của Hà Nội.
2. Em hãy chia sẻ cảm nghĩ của mình về sự thanh lịch của người Hà Nội trong câu ca dao:

*Chẳng thơm cũng thể hoa nhài,
Dẫu không thanh lịch cũng người Tràng An.*



Vận dụng

1. Sưu tầm thông tin, hình ảnh về Hà Nội trong các giai đoạn Hà Nội là kinh đô/ thủ đô của đất nước.
2. Học sinh cần vận dụng lối sống thanh lịch của người Hà Nội như thế nào khi giao tiếp, ứng xử trong nhà trường?

Giải pháp bảo tồn và phát huy văn hoá truyền thống của Hà Nội

Mục tiêu

- Mô tả được một số nét chính trong văn hoá truyền thống của Hà Nội.
- Nêu được một số thách thức đối với sự phát triển văn hoá truyền thống của Hà Nội.
- Trình bày được một số giải pháp bảo tồn và phát huy văn hoá truyền thống của Hà Nội.
- Liên hệ hành động của bản thân để đóng góp vào việc giữ gìn và phát huy văn hoá truyền thống của Hà Nội.

Mở đầu



Em hãy nêu hiểu biết của mình về văn hoá truyền thống của Hà Nội dựa trên một số từ khoá sau:

Di tích lịch sử, văn hoá

Nghệ thuật dân gian

Làng nghề

Lễ hội

Kiến thức mới

Một số nét chính về văn hoá truyền thống Hà Nội

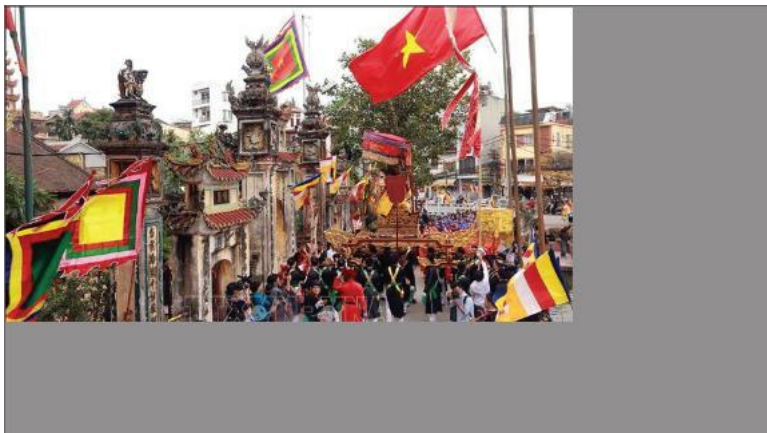
Hà Nội là vùng đất có bề dày về văn hoá truyền thống. Các giá trị văn hoá truyền thống của Hà Nội đa dạng về loại hình, giàu có về bản sắc mà không phải địa phương nào cũng có.

Theo danh mục tổng kiểm kê của Sở Văn hoá và Thể thao thành phố Hà Nội năm 2015, Hà Nội là địa phương có số lượng di tích lớn nhất cả nước với 5 922 di tích. Các loại hình di tích bao gồm: di tích lịch sử, di tích lịch sử – văn hoá, di tích khảo cổ học, danh lam thắng cảnh.



Hình 2.1. Di tích lịch sử – văn hoá Chùa Một Cột (quận Ba Đình)

Về di sản văn hoá phi vật thể, Hà Nội có 1 793 di sản văn hoá phi vật thể được kiểm kê và bảo tồn. Di sản văn hoá phi vật thể của Hà Nội bao gồm nhiều loại hình: nghệ thuật trình diễn dân gian, lễ hội truyền thống, tập quán xã hội và tín ngưỡng, nghề thủ công truyền thống, ngữ văn dân gian, tri thức dân gian.



Hình 2.2. Lễ hội làng Triều Khúc (huyện Thanh Trì)

Là vùng đất trung tâm của đất nước trong nhiều thế kỉ, Hà Nội hội tụ tinh hoa văn hoá của các vùng miền, đại diện cho văn hoá dân tộc. Văn hoá Hà Nội đảm nhiệm sứ mệnh lan toả giá trị văn hoá đến các địa phương trong cả nước và quảng bá ra toàn thế giới.



Em hãy xác định những nét chính trong văn hoá truyền thống của Hà Nội được thể hiện qua thông tin và hình ảnh trên.

Thách thức đối với sự phát triển văn hoá truyền thống của Hà Nội

Trong thời đại ngày nay, kinh tế – xã hội ở Hà Nội đã có những bước phát triển mạnh mẽ. Đời sống người dân được nâng cao, đồng thời thị hiếu người tiêu dùng liên tục thay đổi và khắt khe hơn. Cùng với quá trình đô thị hoá, hiện tượng di dân từ nông thôn ra thành thị ngày càng phổ biến khiến cho việc giữ gìn và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống gặp nhiều khó khăn.

Trước bối cảnh đó, nhiều làng nghề truyền thống có nguy cơ bị mai một, thất truyền. Nghệ nhân ở các làng nghề hầu hết là những người lớn tuổi. Người trẻ ở các làng nghề không mặn mà với việc nối nghiệp nghề truyền thống của gia đình.

Nhiều làng nghề thủ công truyền thống gặp khó khăn vì mặt hàng làm ra không đủ sức cạnh tranh với các mặt hàng được sản xuất bằng máy. Do đó, nhiều thợ thủ công buộc phải chuyển sang nghề mới để có mức thu nhập cao hơn.

Một số di tích lịch sử, văn hoá có nguy cơ bị xâm lấn hoặc chưa được lập hồ sơ đầy đủ khiến cho việc bảo tồn và phát huy giá trị của di tích gặp khó khăn.

EM CÓ BIẾT?

*“Gió đưa cành trúc la đà,
Tiếng chuông Trấn Vũ, canh gà Thọ Xương.
Mịt mù khói toả ngàn sương,
Nhịp chày Yên Thái, mặt gương Tây Hồ.”*

Bài ca dao xưa đã nhắc đến tiếng chày giã dó, một công đoạn để làm giấy ở làng Yên Thái (nay là phường Bưởi, quận Tây Hồ).

Giấy dó ở làng Yên Thái là sản phẩm nước tiếng kinh thành Thăng Long xưa. Giấy dó từng là mặt hàng triều cống của nhà Lý, phục vụ cho triều đình, in tranh dân gian và nhu cầu của người dân.

Ngày nay, giấy dó không còn phục vụ nhu cầu của đời sống hiện đại nên làng nghề làm giấy dó Yên Thái chỉ còn vang bóng một thời.



- Trong đoạn thông tin trên, văn hoá truyền thống của Hà Nội đang gặp phải những thách thức nào?
- Em có nhận xét gì về những thách thức đang đặt ra đối với làng nghề giấy dó ở Yên Thái?

Một số giải pháp bảo tồn và phát huy văn hoá truyền thống của Hà Nội

Các giá trị văn hoá truyền thống không chỉ tạo nên vẻ đẹp riêng của Hà Nội mà còn tạo việc làm và thu nhập cho người dân. Do đó, để bảo tồn và phát huy hơn nữa giá trị của văn hoá truyền thống trong đời sống kinh tế – xã hội hiện nay, cần thực hiện một số giải pháp cơ bản sau:

a. Phát triển văn hoá truyền thống theo hướng kết hợp với du lịch

Các giá trị văn hoá truyền thống của Hà Nội như di tích, lễ hội, làng nghề rất có ưu thế để phát triển theo hướng kết hợp với du lịch. Hơn nữa, khi nhu cầu du lịch và khám phá của du khách ngày càng gia tăng như hiện nay, việc phát triển văn hoá truyền thống theo hướng kết hợp với du lịch sẽ là một giải pháp phù hợp.

Giải pháp này cần sự đầu tư về cơ sở hạ tầng như khu trải nghiệm, khu mua sắm, bãi đỗ xe, nhà hàng,... và các dịch vụ khác để phục vụ du khách.

Trong những năm gần đây, nhiều khu di tích lịch sử, văn hoá, làng nghề ở Hà Nội đã triển khai các khu trải nghiệm như Làng gốm Bát Tràng, di tích Văn Miếu – Quốc Tử Giám,... Các khu trải nghiệm góp phần lan toả giá trị văn hoá truyền thống của Hà Nội đến với du khách trong và ngoài nước.



Hình 2.3. Du khách trải nghiệm nặn gốm ở Làng gốm Bát Tràng

EM CÓ BIẾT?

Khu trải nghiệm cùng di sản tại Di tích Quốc gia đặc biệt Văn Miếu – Quốc Tử Giám được ra mắt từ năm 2019.

Khu trải nghiệm là địa điểm cho học sinh và du khách tìm hiểu sâu hơn về Di tích. Không gian khu trải nghiệm được trang bị bàn, ghế, máy tính, máy chiếu, máy tính bảng,... để phục vụ cho các hoạt động trải nghiệm.

Thông qua các hoạt động trải nghiệm, mọi người không chỉ được tìm hiểu về lịch sử, văn hoá mà còn có thể tự tay làm các sản phẩm của riêng mình.

b. Phát triển bền vững các làng nghề truyền thống

Giải pháp phát triển bền vững các làng nghề truyền thống được thực hiện bởi nhiều phía và thông qua nhiều cách thức

Trước hết là sự chú ý của các làng nghề trong việc nâng cao giá trị sản phẩm, mở rộng thị trường, phát triển làng nghề gắn với bảo vệ môi trường.



EM CÓ BIẾT?

Làng nghề mây tre đan Phú Vinh có lịch sử phát triển từ thế kỉ XVII.

Từ việc chuyên sản xuất đồ gia dụng để phục vụ nhu cầu trong nước, làng nghề ngày nay đã có sự thay đổi mạnh mẽ. Các sản phẩm đáp ứng đa dạng nhu cầu của khách hàng như làm đồ nội thất, trang trí, tranh nghệ thuật,... và trở thành mặt hàng xuất khẩu quan trọng.

Làng nghề đã thành lập nhiều doanh nghiệp xuất khẩu, sản xuất, cơ sở dạy nghề và tạo nguồn thu nhập ổn định cho người lao động.

Hình 2.4. Một số sản phẩm của làng nghề mây tre đan Phú Vinh (xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ)

Ngoài ra, thành phố cũng có những biện pháp thiết thực để khuyến khích các nghệ nhân, thợ giỏi tham gia đào tạo, truyền dạy nghề; thu hút, hỗ trợ thế hệ trẻ tham gia học và phát triển nghề truyền thống nhằm khắc phục nguy cơ mai một và thất truyền của nghề truyền thống.

c. **Coi trọng việc truyền dạy các giá trị văn hoá truyền thống cho thế hệ trẻ**

Thế hệ trẻ như học sinh, sinh viên cần được khơi gợi tình yêu đối với giá trị văn hoá truyền thống. Các nhà trường cần tổ chức thường xuyên các hoạt động như: tổ chức cuộc thi, thành lập câu lạc bộ, hoạt động ngoại khoá, trải nghiệm,... để tìm hiểu các giá trị văn hoá truyền thống của Hà Nội. Các hoạt động có thể kết hợp với bảo tàng, thư viện, khu di tích lịch sử, văn hoá.



Hình 2.5. Một tiết mục trình diễn của các bạn trẻ trong Liên hoan Ca trù Hà Nội lần thứ ba (năm 2022)

EM CÓ BIẾT?

Từ năm 2009, khi ca trù được UNESCO đưa vào danh sách di sản văn hoá phi vật thể được bảo vệ khẩn cấp, Hà Nội đã có nhiều hoạt động tích cực để hồi sinh loại hình nghệ thuật này.

Đến nay, nhiều câu lạc bộ ca trù đã duy trì hoạt động truyền dạy, biểu diễn thường xuyên. Các câu lạc bộ ca trù thu hút sự tham gia của nhiều bạn trẻ có tài năng và tình yêu với nghệ thuật dân tộc.



- Vì sao cần phát triển văn hoá truyền thống theo hướng kết hợp với du lịch?
- Để phát triển bền vững các làng nghề truyền thống, theo em các làng nghề và thành phố Hà Nội cần có những hành động cụ thể gì?
- Em có nhận xét gì về giải pháp coi trọng việc truyền dạy các giá trị văn hoá truyền thống cho thế hệ trẻ?



Luyện tập

1. Lập bảng thống kê những di tích, di sản văn hoá phi vật thể ở nơi em sinh sống.
2. Vẽ sơ đồ tư duy về những thách thức cùng giải pháp bảo tồn và phát huy văn hoá truyền thống của Hà Nội.



Vận dụng

1. Sưu tầm các câu ca dao, tục ngữ về những giá trị văn hoá truyền thống của Hà Nội.
2. Thực hành dự án theo nhóm: Nêu các hoạt động cụ thể nhằm phát triển một giá trị văn hoá (di tích, làng nghề, lễ hội, nghệ thuật dân gian,...) ở nơi em sinh sống.

CHỦ ĐỀ 3

Học sinh Hà Nội tìm hiểu về năng lực pháp luật của người lao động

Mục tiêu

- Nắm được định nghĩa năng lực pháp luật của người lao động.
- Nêu được quyền và nghĩa vụ cơ bản của người lao động theo quy định của pháp luật.
- Liên hệ được về quyền và nghĩa vụ của bản thân với tư cách là người lao động trong tương lai.

Mở đầu

Người lao động là một cá nhân, có mong muốn và trực tiếp tham gia xác lập, thực hiện quan hệ pháp luật giữa người lao động và người sử dụng lao động. Trong quá trình lao động, người lao động là người làm việc cho người sử dụng lao động theo thoả thuận, được trả lương và chịu sự quản lí, điều hành, giám sát của người sử dụng lao động. Vì vậy, Nhà nước đã có những quy định pháp luật để bảo vệ tốt nhất các quyền và lợi ích của người lao động, trong đó có quy định về năng lực pháp luật của người lao động.

Trên cơ sở các quy định của pháp luật lao động, tại Hà Nội, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội Hà Nội và Liên đoàn Lao động thành phố thường xuyên trao đổi, thông tin báo cáo định kì về tình hình các đơn vị, doanh nghiệp trong việc thực hiện pháp luật lao động nói chung và bảo vệ quyền lợi cho người lao động nói riêng.



- Em hãy cho biết độ tuổi tối thiểu được tham gia lao động ở nước ta là bao nhiêu?
- Theo em, khi tham gia lao động, người lao động có những quyền và nghĩa vụ gì?

Kiến thức mới

Định nghĩa năng lực pháp luật của người lao động

Năng lực pháp luật của người lao động là khả năng mà pháp luật quy định cho người lao động có quyền được làm việc và được hưởng các quyền khác phát sinh từ quan hệ lao động và phải thực hiện những nghĩa vụ của mình trong quá trình lao động theo hợp đồng lao động đã giao kết. Tuy nhiên, để tham gia vào quan hệ pháp luật lao động, ngoài năng lực pháp luật lao động, người lao động còn phải có năng lực hành vi lao động.

Năng lực hành vi lao động là khả năng người lao động bằng chính hành vi của bản thân mình trực tiếp tham gia vào quan hệ pháp luật lao động để thực hiện quyền và gánh vác các nghĩa vụ pháp lí trong quá trình lao động.

EM CÓ BIẾT?

Một người được coi là có năng lực pháp luật lao động, có thể tham gia một quan hệ lao động cụ thể khi đã đủ 15 tuổi. Tuy nhiên, cũng có những ngoại lệ pháp lí nhằm đảm bảo quyền lao động cho những người khác khi chưa đủ 15 tuổi. Ngoài ra, trong một số trường hợp, tuổi lao động còn được pháp luật quy định cao hơn 15 tuổi để phục vụ những mục tiêu quản lí lao động của Nhà nước như trường hợp người nước ngoài làm việc tại Việt Nam hoặc người Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài, những trường hợp này pháp luật quy định người lao động phải đủ 18 tuổi trở lên.



- Em hãy cho biết người lao động cần có những điều kiện gì để tham gia quan hệ pháp luật lao động?
- Theo em, tại sao pháp luật quy định độ tuổi lao động tối thiểu của người lao động ở nước ta là đủ 15 tuổi?
- Em hãy đọc thông tin được đưa ra và hoàn thành bảng theo mẫu dưới đây:

“Theo quy định của Bộ luật Lao động năm 2019: lao động chưa thành niên là người lao động chưa đủ 18 tuổi; người từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi không được làm công việc hoặc làm việc ở nơi làm việc quy định tại Điều 147 của Bộ luật này; người từ đủ 13 tuổi đến chưa đủ 15 tuổi chỉ được làm công việc nhẹ theo danh mục do Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành. Người sử dụng lao động không được tuyển dụng và sử dụng người chưa đủ 13 tuổi làm việc, trừ các công việc nghệ thuật, thể dục, thể thao nhưng không làm tổn hại đến sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách của người chưa đủ 13 tuổi và phải có sự đồng ý của cơ quan chuyên môn về lao động thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.” (Điều 143, 145, 147 Bộ luật Lao động năm 2019)

Nhóm tuổi của người lao động	Công việc được phép tuyển dụng
Người lao động từ đủ 18 tuổi trở lên	Tự do lựa chọn việc làm, nghề nghiệp, học nghề và không bị phân biệt đối xử.
Người lao động từ đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi	?
Người lao động từ đủ 13 tuổi đến dưới 15 tuổi	?
Người lao động dưới 13 tuổi	?

Quyền của người lao động

Người lao động có quyền được làm việc, được hưởng các quyền khác phát sinh từ mối quan hệ giữa người lao động và người sử dụng lao động:

- *Người lao động có quyền làm việc; tự do lựa chọn việc làm, nơi làm việc, nghề nghiệp, học nghề, nâng cao trình độ nghề nghiệp.*

Việc làm là những hoạt động tạo ra, đem lại lợi ích và thu nhập cho người lao động không bị pháp luật cấm. Bảo vệ quyền và lợi ích cho người lao động trước hết là giải quyết việc làm cho họ để họ có thể đảm bảo cuộc sống của bản thân, gia đình, đồng thời đóng góp cho xã hội. Quyền làm việc còn là quyền cơ bản của con người, quyền này đã được thừa nhận và quy định trong nhiều văn bản pháp lí quốc tế và quốc gia. Tại Việt Nam, Hiến pháp và pháp luật Lao động Việt Nam quy định quyền làm việc, lựa chọn nghề nghiệp, việc làm và nơi làm việc của người lao động. Bên cạnh đó, pháp luật Lao động còn quy định người lao động có quyền học nghề và nâng cao trình độ nghề nghiệp để họ có những kiến thức và kĩ năng cần thiết về nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động.

- *Người lao động có quyền hưởng lương.*

Tiền lương là số tiền mà người sử dụng lao động trả cho người lao động để thực hiện công việc theo thoả thuận, căn cứ vào năng suất lao động, khối lượng và chất lượng công việc. Tiền lương có ý nghĩa giúp người lao động có thể duy trì được cuộc sống hàng ngày của họ và gia đình, tái sản xuất sức lao động và có thể dự phòng cho cuộc sống lâu dài; tiền lương còn là động lực thúc đẩy người lao động nâng cao năng suất, trình độ, chất lượng và

hiệu quả lao động. Vì vậy, pháp luật Lao động đã quy định người lao động có quyền hưởng lương phù hợp với trình độ, kĩ năng nghề trên cơ sở thoả thuận với người sử dụng lao động và người sử dụng lao động phải bảo đảm trả lương bình đẳng, không phân biệt giới tính đối với người lao động làm công việc có giá trị như nhau (khoản 3 Điều 90 Bộ luật Lao động năm 2019). Chính phủ quy định về mức lương tối thiểu tháng



Hình 3.1. Người lao động đăng ký thông tin tuyển dụng tại Trung tâm Dịch vụ việc làm Hà Nội



Hình 3.2. Người lao động làm việc tại xí nghiệp sơ mi, veston của Tổng Công ty May 10 tại phường Sài Đồng, Quận Long Biên, Hà Nội.

và mức lương tối thiểu giờ⁽¹⁾ làm cơ sở để người sử dụng lao động và người lao động thoả thuận và trả lương trong hợp đồng lao động.

Mức lương tối thiểu áp dụng với doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố Hà Nội hiện nay như sau:

+ Vùng I (gồm các quận và các huyện: Gia Lâm, Đông Anh, Sóc Sơn, Thanh Trì, Thường Tín, Hoài Đức, Thạch Thất, Quốc Oai, Thanh Oai, Mê Linh, Chương Mỹ và thị xã Sơn Tây thuộc thành phố Hà Nội): áp dụng mức lương tối thiểu theo tháng là 4.680.000 đồng/ tháng và mức lương tối thiểu theo giờ bằng 22.500 đồng/ giờ.

+ Vùng II (gồm các huyện còn lại thuộc thành phố Hà Nội): áp dụng mức lương tối thiểu theo tháng là 4.160.000 đồng/ tháng và mức lương tối thiểu theo giờ bằng 20.000 đồng/ giờ.



Theo em, tại sao Nhà nước lại quy định mức lương tối thiểu?

- *Người lao động có quyền được bảo hộ lao động, làm việc trong điều kiện bảo đảm về an toàn, vệ sinh lao động.*

Môi trường làm việc có khả năng gây ảnh hưởng tới sức khỏe của người lao động bởi trong quá trình lao động, người lao động trực tiếp làm việc và tiếp xúc với các máy móc, thiết bị có thể chứa đựng những yếu tố nguy hiểm, độc hại, tiềm ẩn nguy cơ tai nạn lao động hoặc bệnh nghề nghiệp.

Để bảo vệ sức khỏe, tính mạng và bảo đảm hiệu quả lao động lâu dài cho người lao động, pháp luật Lao động quy định người lao động có quyền được bảo hộ lao động và quyền được làm việc trong điều kiện bảo đảm về an toàn, vệ sinh lao động. Cùng với quy định này, Nhà nước cũng đưa ra những quy định cụ thể mang tính bắt buộc về các tiêu chuẩn an toàn, vệ sinh lao động nhằm hạn chế tỉ lệ người lao động mắc bệnh nghề nghiệp và khả năng phát sinh tai nạn lao động.



Hình 3.3. Một số đồ dùng bảo hộ trong lao động.

(1) Đây là mức lương thấp nhất làm cơ sở để thoả thuận và trả lương đối với người lao động làm việc đủ thời giờ làm việc bình thường và hoàn thành định mức lao động hoặc công việc đã thoả thuận. Mức lương tối thiểu được xác lập theo vùng.

EM CÓ BIẾT?

Bảo hộ lao động là việc đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh lao động nhằm bảo vệ tính mạng, sức khỏe, nhân cách của người lao động. An toàn lao động là các giải pháp phòng, chống tác động của các yếu tố nguy hiểm ở môi trường làm việc nhằm bảo đảm không xảy ra thương tật, tử vong, bệnh tật đối với con người trong quá trình lao động. Vệ sinh lao động là giải pháp phòng, chống tác động của yếu tố có hại gây bệnh tật, làm suy giảm sức khỏe cho con người trong quá trình lao động.

Để đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động, các cơ quan Nhà nước có trách nhiệm và thẩm quyền nghiên cứu các tiêu chuẩn an toàn lao động, vệ sinh lao động. Thông thường, các tiêu chuẩn an toàn, vệ sinh lao động do các bộ chuyên ngành kết hợp với Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế ban hành tùy thuộc vào đặc thù nghề nghiệp và điều kiện lao động của ngành đó. Người sử dụng lao động phải căn cứ vào các tiêu chuẩn an toàn, vệ sinh lao động để xây dựng nội quy, quy trình làm việc bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh lao động phù hợp với nơi làm việc.

Ví dụ: Danh mục phương tiện bảo vệ cá nhân trang bị cho người lao động làm việc trong một số công việc:

(Nguồn: Phụ lục 1, Thông tư số 04/2014/TT-BLĐTBXH ngày 12/02/2014 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về hướng dẫn thực hiện chế độ trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân)

Thợ sửa chữa, vận hành trang thiết bị bay mặt đất	Giáo viên, hướng dẫn viên, huấn luyện viên, vận động viên thể thao	Bác sĩ, y sĩ khám chữa bệnh và điều trị tại các bệnh viện, trạm xá
<ul style="list-style-type: none">– Quần áo lao động phổ thông;– Ủng cao su chống dầu;– Mũ vải;– Giày mũi sắt chống trơn trượt;– Găng tay chống dầu;– Găng tay vải bạt;– Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học;– Găng tay len có gai;– Nút tai chống ồn; áo chống rét (trang bị khi làm việc tại vùng rét);– Áo mưa;– Xà phòng.	<ul style="list-style-type: none">– Quần áo, mũ, giày, tất chuyên ngành thể thao;– Bao đầu gối, cổ chân, khuỷu tay;– Kính chuyên ngành thể thao; xà phòng.	<ul style="list-style-type: none">– Quần áo vải trắng;– Mũ vải trắng hoặc mũ bao tóc;– Găng tay cao su mỏng;– Dép nhựa có quai hậu;– Ủng cao su;– Khẩu trang lọc bụi;– Yếm hoặc tạp dề chống ướt, bẩn;– Xà phòng.



Em hãy tìm hiểu và chia sẻ với các bạn quy định về thực hiện chế độ trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân đối với một nghề nghiệp mà em yêu thích?

- Người lao động có quyền nghỉ theo chế độ, nghỉ hằng năm có hưởng lương và được hưởng phúc lợi tập thể.

Nhằm mục đích đảm bảo người lao động có thời gian để tái sản xuất sức lao động, tránh sự lạm dụng sức lao động và hạn chế tai nạn lao động, bên cạnh quy định thời giờ làm việc, pháp luật còn quy định người lao động có quyền nghỉ ngơi theo nhiều chế độ: nghỉ trong giờ làm việc, nghỉ hằng tuần, nghỉ lễ, nghỉ hằng năm,... có hưởng lương và hưởng phúc lợi tập thể.



Em hãy đọc thông tin dưới đây và trả lời câu hỏi:

Bộ luật Lao động năm 2019 quy định: Người lao động được nghỉ làm việc, hưởng nguyên lương trong những ngày lễ, tết sau đây: Tết Dương lịch: 01 ngày (ngày 01 tháng 01 dương lịch), Tết Âm lịch: 05 ngày, Ngày Chiến thắng: 01 ngày (ngày 30 tháng 4 dương lịch), Ngày Quốc tế lao động: 01 ngày (ngày 01 tháng 5 dương lịch), Quốc khánh: 02 ngày (ngày 02 tháng 9 dương lịch và 01 ngày liền kề trước hoặc sau), Ngày Giỗ Tổ Hùng Vương: 01 ngày (ngày 10 tháng 3 âm lịch) (Điều 112). Người lao động làm việc đủ 12 tháng cho một người sử dụng lao động thì được nghỉ hằng năm, hưởng nguyên lương theo hợp đồng lao động như sau: 12 ngày làm việc đối với người làm công việc trong điều kiện bình thường; 14 ngày làm việc đối với người lao động chưa thành niên, lao động là người khuyết tật, người làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; 16 ngày làm việc đối với người làm nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; người lao động làm việc chưa đủ 12 tháng cho một người sử dụng lao động thì số ngày nghỉ hằng năm theo tỉ lệ tương ứng với số tháng làm việc (Điều 113). Cứ đủ 05 năm làm việc cho một người sử dụng lao động thì số ngày nghỉ hằng năm của người lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 113 của Bộ luật này được tăng thêm tương ứng 01 ngày (Điều 114).

Anh X là nhân viên văn phòng tại Công ty truyền thông Big Vision. Anh đã làm việc liên tục tại đây từ ngày 01/4/2012. Em hãy xác định thời gian được nghỉ của anh X và hoàn thành bảng theo mẫu dưới đây:

Loại ngày nghỉ	Thời gian nghỉ
Nghỉ hằng tuần	?
Nghỉ hằng năm	?
Nghỉ lễ	?
Nghỉ Tết	?

– *Người lao động có quyền đình công.*

Đình công là một trong những quyền cơ bản và quan trọng mà Nhà nước quy định cho người lao động như là một trong những “vũ khí” cuối cùng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong quan hệ lao động ở những trường hợp xung đột lợi ích xảy ra mà việc giải quyết thông qua các biện pháp khác (thương lượng, hoà giải, trọng tài,...) không đạt kết quả. Đây là biện pháp đấu tranh



Hình 3.4. Người lao động có quyền đình công.

kinh tế của người lao động bằng cách ngừng việc tập thể nhằm gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại về kinh tế đối với người sử dụng lao động, buộc người sử dụng lao động phải đáp ứng những yêu cầu chủ yếu liên quan đến quyền, lợi ích của tập thể người lao động. Tuy nhiên, quyền đình công chỉ giới hạn trong khuôn khổ pháp luật cho phép và phải tuân theo những trình tự, thủ tục nhất định do pháp luật quy định. Thêm vào đó, để bảo vệ quyền lợi của Nhân dân và đất nước, pháp luật quy định người lao động không được đình công tại những doanh nghiệp, bộ phận doanh nghiệp mà việc đình công có thể đe dọa đến quốc phòng, an ninh, trật tự công cộng, sức khoẻ con người như: 3 đơn vị thuộc công ty mẹ – Tập đoàn Điện lực Việt Nam gồm: Công ty Thủy điện Hoà Bình, Công ty Thủy điện Sơn La, Trung tâm Điều độ hệ thống điện quốc gia; các cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay thuộc Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam.

Tại Hà Nội, để giảm thiểu tranh chấp lao động, ngừng việc tập thể, đình công tự phát xảy ra, Liên đoàn Lao động thành phố yêu cầu các công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở phối hợp với cơ quan chuyên môn, chính quyền đồng cấp rà soát, lập danh sách doanh nghiệp có nguy cơ phá sản, giải thể, nợ lương, không có khả năng trả thưởng, có nguy cơ tranh chấp lao động để có phương án ngăn chặn, hỗ trợ, giải quyết kịp thời.



Theo em, tại sao pháp luật lại không cho phép người lao động đình công tại một số nơi sử dụng lao động?

- Ngoài các quyền trên, người lao động còn được hưởng các quyền khác theo quy định của pháp luật như: quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động; quyền không bị phân biệt đối xử, cưỡng bức lao động, quấy rối tình dục tại nơi làm việc; quyền thành lập, gia nhập, hoạt động trong tổ chức đại diện người lao động, tổ chức nghề nghiệp

và tổ chức khác theo quy định của pháp luật; quyền từ chối làm việc nếu có nguy cơ rõ ràng đe dọa trực tiếp đến tính mạng, sức khỏe trong quá trình thực hiện công việc; quyền được pháp luật bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín; quyền được tham gia, được người sử dụng lao động đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế bắt buộc;...



Em hãy đọc thông tin dưới đây và cho biết đoạn thông tin đề cập đến quyền gì của người lao động?

Đoạn 1: “Theo quy định của Bộ luật Lao động năm 2019, người lao động có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động nhưng phải báo trước cho người sử dụng lao động. Tuy nhiên, đối với những trường hợp người lao động cần chấm dứt hợp đồng lao động càng sớm càng tốt hoặc người sử dụng lao động có lỗi nên người lao động có quyền chấm dứt hợp đồng lao động ngay mà không cần báo trước. Đó là những trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 35 Bộ luật Lao động năm 2019.”

Đoạn 2: “Theo các Điều 170, 171 của Bộ luật Lao động năm 2019, người lao động có quyền thành lập, gia nhập và hoạt động công đoàn theo quy định của Luật Công đoàn. Công đoàn cơ sở thuộc hệ thống tổ chức Công đoàn Việt Nam được thành lập ở các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp. Người lao động trong doanh nghiệp có quyền thành lập, gia nhập và tham gia hoạt động của tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp.”

Nghĩa vụ của người lao động

Bên cạnh việc được hưởng quyền lợi, trong quan hệ pháp luật lao động, người lao động có nghĩa vụ thực hiện hợp đồng lao động, thoả ước lao động tập thể và thoả thuận hợp pháp khác với người sử dụng lao động. Ngoài ra, xuất phát từ quyền sở hữu đối với tài sản và các quyền năng pháp lí khác mà pháp luật trao cho người sử dụng lao động, người sử dụng lao động có quyền kiểm soát quá trình thực hiện công việc của người lao động. Vì vậy, người lao động có nghĩa vụ chấp hành kỉ luật lao động, nội quy lao động; tuân theo sự quản lí, điều hành, giám sát của người sử dụng lao động. Để bảo đảm chất lượng công việc, quyền lợi và sự an toàn của bản thân trong quá trình lao động, người lao động còn có nghĩa vụ thực hiện quy định của pháp luật về lao động, việc làm, giáo dục nghề nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và an toàn, vệ sinh lao động.



Em hãy nêu một số nghĩa vụ của người lao động.

Luyện tập

1. Em hãy phân biệt năng lực pháp luật với năng lực hành vi lao động?
2. Em hãy hoàn thành sơ đồ theo mẫu dưới đây về các quyền và nghĩa vụ của người lao động

Quyền	Nghĩa vụ
 1. Quyền được làm việc và tự do lựa chọn việc làm. 2. ... 3. ...	1. Chấp hành kỉ luật lao động, nội quy lao động. 2. ... 3. ...

3. Em hãy cho biết những quyền nào của người lao động đã bị vi phạm trong các tình huống dưới đây?
 - *Tình huống 1:* Anh Hải làm việc tại một công ty sản xuất giày da của Hà Nội. Do không đi làm đúng ngày phát lương nên Giám đốc nói rằng sẽ không phát lương cho anh Hải.
 - *Tình huống 2:* Chị Lan làm việc tại một công ty xuất khẩu thủy hải sản tại Hà Nội. Theo hợp đồng làm việc có thời hạn của chị Lan với công ty, chị Lan được nhận lương vào ngày 20 hằng tháng với mức tiền là 7 500 000 đồng/tháng. Nhưng đã 5 tháng nay công ty nợ lương của chị Lan và một số nhân viên khác mà không có lời giải thích. Chị Lan và một số đồng nghiệp đã gặp công đoàn đề nghị can thiệp nhưng cũng không đạt được kết quả. Chị Lan đã nộp đơn xin nghỉ việc và yêu cầu công ty trả phần tiền lương công ty đang nợ cho chị. Tuy nhiên, công ty đã từ chối giải quyết nghỉ việc cho chị Lan với lí do hợp đồng làm việc giữa công ty và chị Lan chưa hết hạn.
 - *Tình huống 3:* Tại công ty may nơi anh Tuấn làm việc, do có đơn hàng gấp nên tất cả công nhân đều được yêu cầu làm thêm giờ. Công nhân nào không muốn làm thêm giờ thì phải đưa ra lí do chính đáng và phải được xưởng trưởng kí duyệt thì mới được ra về. Nếu công nhân ra về mà không có giấy ra cổng do xưởng trưởng kí thì sẽ nhận được thư cảnh cáo vào ngày hôm sau và bị phạt bằng cách trừ 50% tiền làm thêm giờ của tháng đó.
 - *Tình huống 4:* Chị Linh làm nhân viên lái xe cho một doanh nghiệp tư nhân trên địa bàn Hà Nội. Trong quá trình tuyển dụng, đại diện doanh nghiệp thoả thuận với chị Linh rằng chị sẽ nhận được khoản tiền lương hàng tháng là 10 triệu đồng, bằng 90% tiền lương của các nhân viên lái xe khác tại doanh nghiệp, với lí do chị Linh là nữ giới nên sức lao động của chị thấp hơn các nhân viên nam giới khác.

Vận dụng

Em hãy đóng vai một người tư vấn để tư vấn và giải đáp thắc mắc cho người lao động về các quyền và nghĩa vụ của họ khi tham gia quan hệ pháp luật lao động.

Học sinh Hà Nội tham gia phòng, chống tệ nạn xã hội

Mục tiêu

- Trình bày được tình hình tệ nạn xã hội trên địa bàn Hà Nội hiện nay.
- Nêu được một số giải pháp phòng, chống tệ nạn xã hội của thành phố Hà Nội.
- Liệt kê được những việc học sinh Hà Nội cần làm góp phần vào việc phòng, chống tệ nạn xã hội.
- Đánh giá được những việc làm cụ thể liên quan đến phòng, chống tệ nạn xã hội của bản thân và người khác.
- Thực hiện được một số việc làm cụ thể góp phần phòng, chống tệ nạn xã hội trong nhà trường và ngoài xã hội.

Mở đầu

Hà Nội là địa bàn có vị trí huyết mạch về giao thông đường bộ, đường không, đường thủy, tiếp giáp với nhiều tỉnh như: Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Hoà Bình, Hà Nam, Bắc Ninh, Hưng Yên,... Hơn nữa, dân cư trên địa bàn thành phố lại rất đông đúc, có nhiều người từ nơi khác đến học tập, làm việc và sinh sống. Với đặc điểm này, bên cạnh những yếu tố thuận lợi, Hà Nội còn là địa bàn tiềm ẩn nhiều nguy cơ phát sinh các tệ nạn xã hội.



Hãy chia sẻ những hiểu biết của em về tình hình tệ nạn xã hội tại địa phương.

Kiến thức mới

Đôi nét về tình hình tệ nạn xã hội ở Hà Nội hiện nay

Hoạt động mại dâm trên địa bàn thành phố Hà Nội tuy đã được kiểm chế song diễn biến ngày càng phức tạp, dưới nhiều hình thức. Đối tượng tham gia hoạt động mại dâm sử dụng nhiều phương thức, thủ đoạn tinh vi, thông qua các “nhóm kín” trên mạng internet, mạng xã hội, các diễn đàn,... Đặc biệt, nhiều hoạt động mại dâm trá hình trong các cơ sở dịch vụ vẫn khó kiểm soát. Hiện nay, Hà Nội có gần 3 700 cơ sở kinh doanh dịch vụ có điều kiện, dễ phát sinh tệ nạn mại dâm. Trong năm 2021, Đội kiểm tra liên ngành về phòng, chống tệ nạn mại dâm (Đội liên ngành 178) các cấp đã

kiểm tra hơn 2 600 cơ sở kinh doanh dịch vụ để phát sinh tệ nạn mại dâm, qua đó phát hiện, xử phạt, đình chỉ kinh doanh 407 cơ sở vi phạm. Trong 6 tháng đầu năm 2022, các Đội đã kiểm tra gần 1 800 cơ sở; trong đó phát hiện 100 cơ sở vi phạm. Công an các cấp cũng đã phát hiện, đấu tranh, triệt phá 84 vụ án liên quan đến hoạt động mại dâm; bắt giữ 360 đối tượng, trong đó xử lý hình sự 82 vụ, 92 đối tượng (tội danh chứa mại dâm, môi giới mại dâm).

Về tệ nạn ma túy, số người nghiện ma túy của thành phố Hà Nội vẫn tăng hàng năm. Đối tượng mua, bán, sử dụng ma túy ngày càng trẻ hoá và hoạt động dưới những chiêu thức hết sức tinh vi. Những đối tượng này thường hoạt động ở các địa bàn giáp ranh hoặc những khu đô thị mới xây dựng có nhiều nhà bị bỏ hoang, gây khó khăn cho các cơ quan chức năng trong quá trình quản lý, điều tra, phát hiện, xử lý. Thêm vào đó, thời gian qua, cơ quan chức năng đã phát hiện thêm nhiều vụ việc liên quan đến các chất ma túy mới hoặc các vụ ngộ độc ma túy trên địa bàn thành phố. Các chất ma túy này được “tẩm ướp”, “ché biến” trong thuốc lá điếu, dung dịch tinh dầu dùng cho thuốc lá điện tử hoặc trộn lẫn trong một số loại thực phẩm như bánh lười, socola cần sa, kẹo mút cần sa, “nước vui”, “crispy fruit” – nước xoài,... hoặc trộn nhiều loại ma túy vào với nhau đóng thành từng gói bột nhỏ với bao bì có hình ảnh, màu sắc bắt mắt. Những loại thực phẩm này đang được bày bán khá phổ biến, kể cả tại các cổng trường học, có nguy cơ xâm nhập học đường.

Về tệ nạn cờ bạc, qua các vụ việc được phát hiện, cơ quan công an thành phố Hà Nội nhận định tệ nạn cờ bạc trên địa bàn đang diễn biến phức tạp, tăng cả về số lượng và mức độ, kéo theo nhiều hậu quả xấu về trật tự an toàn xã hội. Theo đánh giá của cơ quan công an, bên cạnh sự gia tăng về số lượng, ngoài những loại hình cờ bạc “truyền thống”, nhiều đường dây đánh bạc dưới hình thức cá độ bóng đá qua mạng internet cũng hoạt động khá mạnh, với số lượng tiền chuyển ra nước ngoài rất lớn trong thời gian qua.

Nghiện trò chơi điện tử cũng được coi là một loại tệ nạn xã hội hiện nay. Ngày 18 – 6 – 2019, Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) công nhận chứng nghiện trò chơi điện tử là một bệnh lý trong danh sách phân loại bệnh quốc tế. Trong nhiều năm qua, nghiện trò chơi điện tử và những hệ quả do nghiện trò chơi điện tử gây ra là vấn đề xã hội nhức nhối ở Việt Nam nói chung và Hà Nội nói riêng. Số người nghiện trò chơi điện tử trên địa bàn thành phố Hà Nội đặc biệt là ở độ tuổi học sinh ngày càng tăng lên, nhất là sau thời gian học trực tuyến do ảnh hưởng của dịch Covid-19. Những người nghiện trò chơi điện tử, đặc biệt là giới trẻ, có thể bị suy giảm sức khoẻ thể chất và tâm lý, xao nhãng học hành, công việc, xa rời các quan hệ gia đình, xã hội, thậm chí dẫn đến những hành vi vi phạm pháp luật.

(Nguồn: Tổng hợp)



- Xác định các loại tệ nạn xã hội được đề cập đến trong thông tin trên và nêu rõ thực trạng của những loại tệ nạn xã hội đó.
- Vì sao Hà Nội là địa phương tiềm ẩn nhiều nguy cơ phát sinh các tệ nạn xã hội?

Một số hoạt động phòng, chống tệ nạn xã hội của thành phố Hà Nội hiện nay

Để tích cực đấu tranh đẩy lùi tệ nạn xã hội, các cơ quan chức năng của thành phố đã tăng cường kiểm tra, giám sát và xây dựng mô hình xã, phường, thị trấn không có tệ nạn xã hội, kêu gọi người dân tham gia phản ánh, tố giác khi phát hiện những sự việc, tình huống nghi ngờ.

Hà Nội hiện có nhiều mô hình phòng, chống tội phạm, ma túy, mại dâm,... được triển khai ở 100% các xã, phường, thị trấn. Có thể kể đến là mô hình “Câu lạc bộ phòng, chống tội phạm”, “Xã, phường, thị trấn không có tệ nạn ma túy”, “Đội công tác xã hội tình nguyện”,... Trong thời gian qua, đội công tác xã hội tình nguyện được xác định là đội ngũ nòng cốt làm công tác tuyên truyền phòng, chống tệ nạn xã hội, nhất là các tệ nạn ma túy, mại dâm, mua bán người, HIV/AIDS ở địa phương. Đội đã làm tốt vai trò cầu nối giữa các cấp chính quyền, tổ chức chính trị – xã hội với người mắc tệ nạn xã hội và gia đình người mắc tệ nạn xã hội, góp phần làm cho công tác phòng, chống tệ nạn xã hội ngày càng hiệu quả. Hiện tại, 579/ 579 xã, phường, thị trấn trên địa bàn Hà Nội đã có đội công tác xã hội tình nguyện với gần 4 400 tình nguyện viên. Các đội công tác xã hội tình nguyện triển khai các hoạt động tuyên truyền phòng, chống tệ nạn xã hội bằng nhiều hình thức, có nội dung phong phú phù hợp với điều kiện hoàn cảnh, tính chất, lứa tuổi của từng đối tượng, đặc biệt chú trọng đến các gia đình có người trong diện có nguy cơ cao, gia đình có người nghiện ma túy. Đội công tác xã hội tình nguyện các xã, phường, thị trấn cũng phối hợp với các lực lượng chức năng thực hiện hàng nghìn lượt tuần tra, rà soát các địa bàn, khu vực giáp ranh; thu hàng trăm thông tin phản ánh, tố giác tội phạm để cung cấp cho chính quyền, cơ quan công an.



Hình 4.1. Các thành viên của Câu lạc bộ “Phòng, chống tội phạm về ma túy” xã Phương Tú (huyện Ứng Hoà) nhận giấy khen sau một năm hoạt động



Hình 4.2. Công an xã Phương Tú triển khai tuần tra, giám sát địa bàn

Cùng với đó, các đơn vị, địa phương đã, đang triển khai thí điểm nhiều mô hình phòng, chống tệ nạn xã hội dựa vào cộng đồng, như: “Câu lạc bộ Quản lí, giáo dục, tư vấn, giúp đỡ người sau cai nghiện ma túy hoà nhập cộng đồng”, “Điểm tư vấn, chăm sóc, hỗ trợ điều trị nghiện ma túy tại cộng đồng”, “Hỗ trợ nhằm bảo đảm quyền của người lao động trong các cơ sở kinh doanh dịch vụ để phát sinh tệ nạn xã hội”, “Hỗ trợ tăng cường năng lực của nhóm tự lực giúp đỡ người bán dâm trong việc tiếp cận, truyền thông và hỗ trợ giảm hại, phòng, chống bạo lực giới”,...



Hình 4.3. Đội công tác xã hội tình nguyện cùng đại diện các cơ quan chức năng của phường Hạ Đình (quận Thanh Xuân) trao đổi phương án hỗ trợ người nghiện ma túy trên địa bàn



Hình 4.4. Tư vấn cho người từng sử dụng ma túy (người ngồi ghế) tại điểm tư vấn phường Nguyễn Du (quận Hai Bà Trưng).

Để phát huy hiệu quả hoạt động của đội công tác xã hội tình nguyện, thời gian tới, Chi cục Phòng, chống tệ nạn xã hội Hà Nội tiếp tục tổ chức tập huấn nâng cao năng lực phòng, chống tệ nạn xã hội cho các tình nguyện viên. Chính quyền các địa phương cũng tạo điều kiện thuận lợi để các đội công tác xã hội tình nguyện hoạt động tốt, trở thành “cánh tay nối dài” của các cơ quan chức năng trong công tác phòng, chống tệ nạn xã hội ở cơ sở.

Nhằm đẩy lùi các hoạt động mại dâm, đạt mục tiêu triệt xoá 100% điểm phức tạp về tệ nạn mại dâm, Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội đã ban hành Kế hoạch về phòng, chống mại dâm trên địa bàn thành phố giai đoạn 2021 – 2025 số 255/KH-UBND ngày 26-11-2021. Theo đó, Hà Nội xác định 13 chỉ tiêu cần thực hiện đến năm 2025, cụ thể: 100% các quận, huyện, thị xã và xã, phường, thị trấn xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động phòng, chống mại dâm; 100% xã, phường, thị trấn triển khai mô hình phòng, chống mại dâm cấp xã; Ít nhất 50% các quận, huyện, thị xã lồng ghép nhiệm vụ phòng, chống tệ nạn mại dâm với việc thực hiện các chương trình phát triển kinh tế – xã hội, các chương trình an sinh trợ giúp xã hội, chương trình phòng, chống ma túy, chương trình phòng, chống HIV/ AIDS,...

Ngoài ra, để từng bước đẩy lùi các loại tệ nạn xã hội ra khỏi đời sống, các cơ quan chức năng trên địa bàn thành phố Hà Nội đã tăng cường tuyên truyền, vận động, giáo dục và thuyết phục người dân nhằm nâng cao nhận thức, giúp người dân hiểu

được tác hại của tệ nạn xã hội, từ đó kiểm soát hành vi của mình, đồng thời vận động những người xung quanh cùng tham gia phòng, chống tệ nạn xã hội; tránh suy nghĩ, lối sống lệch lạc. Việc tuyên truyền, giáo dục đang được thực hiện thông qua sách, báo, các phương tiện thông tin đại chúng, mạng internet, hoạt động dạy và học tại nhà trường cũng như các hoạt động xã hội của các tổ chức, hội, nhóm,...



Hình 4.5. Học sinh Trường THCS Tốt Động (huyện Chương Mỹ) trong buổi sinh hoạt ngoại khoá với chủ đề “Tuyên truyền phổ biến pháp luật, phòng, chống tệ nạn xã hội, tệ nạn ma túy học đường”.



Hình 4.6. Học sinh trường THCS Phú Thượng (quận Tây Hồ) tổ chức hoạt động ngoại khoá tuyên truyền phổ biến pháp luật về phòng, chống ma túy học đường.

Trên thực tế, việc người dân tích cực tham gia đấu tranh, phản ánh, tố giác các trường hợp nghi ngờ đã giúp các cơ quan chức năng phát hiện, xử lý nhiều vụ việc.

(Nguồn: Tổng hợp)



- Để đấu tranh đẩy lùi tệ nạn xã hội, các cơ quan chức năng Thủ đô đã làm gì?
- Qua những hình ảnh và thông tin trên, em hãy đánh giá vai trò của các “Đội công tác xã hội tình nguyện” trong việc phòng, chống tệ nạn xã hội trên địa bàn thành phố.
- Các trường học trên địa bàn thành phố Hà Nội đã làm gì để tham gia phòng, chống tệ nạn xã hội? Hãy giới thiệu về những việc mà trường, lớp em đã làm góp phần vào công việc này.

Học sinh Hà Nội với việc phòng, chống tệ nạn xã hội

Để góp phần phòng, chống tệ nạn xã hội, học sinh nói chung và học sinh trên địa bàn thành phố Hà Nội cần:

- Ý thức được trách nhiệm của bản thân trong việc tham gia phòng, chống tệ nạn xã hội.
- Tích cực tìm hiểu thông tin về các loại tệ nạn xã hội, đặc biệt là hậu quả của tệ nạn xã hội đối với bản thân, gia đình và xã hội.
- Xây dựng lối sống lành mạnh, tham gia hoạt động văn nghệ, thể dục, thể thao,...
- Chấp hành tốt các quy định của pháp luật, của nhà nước, của nhà trường và của địa phương nơi cư trú.
- Không đua đòi, bắt chước các thói hư tật xấu.
- Tích cực tuyên truyền, vận động người thân trong gia đình, bạn bè và những người xung quanh cùng tham gia phòng, chống tệ nạn xã hội.
- Giúp đỡ cơ quan chức năng trong việc phòng, chống tệ nạn xã hội,...



- Theo em, để tham gia phòng, chống tệ nạn xã hội, học sinh cần phải làm gì?
- Hãy kể những việc mà em đã làm góp phần phòng, chống tệ nạn xã hội.



Luyện tập

- Hãy trình bày suy nghĩ của em về những quan niệm dưới đây:
 - Tệ nạn xã hội chỉ ảnh hưởng tới cuộc sống của bản thân người mắc tệ nạn xã hội.
 - Thiếu bản lĩnh là một trong những nguyên nhân dẫn đến tệ nạn xã hội.
 - Chỉ cơ quan chức năng mới có nhiệm vụ phòng, chống tệ nạn xã hội.
 - Học sinh còn nhỏ tuổi chưa có khả năng tham gia phòng, chống tệ nạn xã hội.
 - Mỗi người dân đều có vai trò quan trọng trong việc phòng, chống tệ nạn xã hội.

2. Em đồng ý hay không đồng ý với những suy nghĩ, việc làm nào dưới đây? Vì sao?

Việc làm	Đồng ý	Không đồng ý	Giải thích
Là tổ trưởng tổ dân phố, ông H. thường xuyên thăm hỏi, động viên những gia đình có người mắc tệ nạn xã hội.			
Bà N. không đồng ý cho con tham gia đội công tác xã hội tình nguyện của phường.			
T. dành nhiều thời gian tham gia câu lạc bộ giúp người sau cai nghiện ma túy hoà nhập cộng đồng.			
M. luôn tránh xa những người nhiễm HIV/AIDS.			
H. cho rằng các buổi hoạt động ngoại khoá tuyên truyền về phòng, chống tệ nạn xã hội là không cần thiết và không muốn tham gia.			
Q. cho rằng hậu quả của nghiện trò chơi điện tử chỉ đơn giản là mất thời gian.			
V. cho rằng cá độ bóng đá là một loại của tệ nạn cờ bạc.			

3. Em sẽ làm gì trong những tình huống sau:

- *Tình huống 1:* Phát hiện ra một bạn trong trường thường xuyên qua lại với những đối tượng nghiện hút, có một số biểu hiện lạ trong sinh hoạt hằng ngày.
- *Tình huống 2:* Anh trai muốn tham gia vào câu lạc bộ giúp đỡ người sau cai nghiện ma túy hoà nhập cộng đồng nhưng bố mẹ không đồng ý vì không muốn anh trai tiếp xúc với những đối tượng đó.
- *Tình huống 3:* Em vô tình phát hiện ra một nhóm chuyên tổ chức đánh bạc.



Em hãy chọn một trong 2 nhiệm vụ sau:

1. Cùng bạn sưu tầm tranh ảnh, tư liệu hoặc thiết kế áp phích về các loại tệ nạn xã hội và cách phòng, chống các tệ nạn này. Cùng các bạn tổ chức giới thiệu kết quả trong lớp hoặc trong trường.
2. Hãy tìm hiểu và giới thiệu về một tổ chức tình nguyện đang tham gia vào hoạt động phòng, chống các loại tệ nạn xã hội trên địa bàn em sống.

CHỦ ĐỀ 5

Đô thị hoá với phát triển bền vững ở thành phố Hà Nội

Mục tiêu

- Trình bày được đặc điểm đô thị hoá ở thành phố Hà Nội.
- Trình bày được một số biểu hiện của đô thị hoá với phát triển bền vững ở thành phố Hà Nội.
- Tìm hiểu các biện pháp phát triển đô thị hoá bền vững ở thành phố Hà Nội.

Mở đầu

Với định hướng phát triển Thủ đô “Văn hiến – Văn minh – Hiện đại”, đô thị hoá của thành phố đang tiếp tục phát triển theo hướng bền vững. Quá trình đô thị hoá ở thành phố Hà Nội gắn liền với sự phát triển bền vững được thể hiện qua nhiều lĩnh vực.



Em hãy chia sẻ một số đặc điểm về đô thị hoá ở thành phố Hà Nội mà em biết.

Kiến thức mới

Đặc điểm đô thị hoá ở thành phố Hà Nội

Thành phố Hà Nội tiếp tục chú trọng phát triển đô thị bền vững, đô thị thông minh đồng thời với việc cải tạo, chỉnh trang đô thị cũ, khu phố cổ; diện mạo thành phố có nhiều thay đổi, ngày càng sáng, xanh, sạch đẹp, khang trang, văn minh, hiện đại hơn.

Quy mô đô thị

Thành phố Hà Nội là một trong hai đô thị đặc biệt của nước ta. Hà Nội có vị trí, chức năng, vai trò là Thủ đô của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, là trung tâm chính trị – hành chính quốc gia; là trung tâm lớn về văn hoá, kinh tế, giáo dục, khoa học – công nghệ và giao dịch của cả nước. Quy mô dân số toàn đô thị là 8 246,5 nghìn người (năm 2020), chiếm gần 8,5% dân số cả nước. Số dân thành thị của Hà Nội ngày càng tăng.

Bảng 5.1. Quy mô dân số của thành phố Hà Nội, giai đoạn 2009 – 2020

(Đơn vị: nghìn người)

Năm	2009	2012	2015	2019	2020
Quy mô dân số	6472,0	6865,2	7433,6	8093,9	8246,5

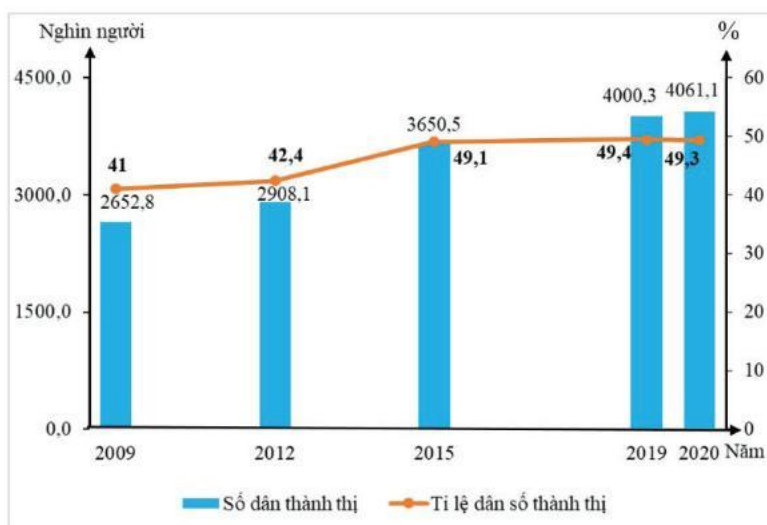
(Nguồn: Niên giám Thống kê thành phố Hà Nội năm 2022)

Tỉ lệ dân thành thị

Hà Nội có tỉ lệ dân thành thị tăng (năm 2009 là 41%, đến năm 2020 đạt 49,3%) và ở mức cao so với các tỉnh, thành phố khác trong cả nước. Quá trình đô thị hoá của thành phố Hà Nội diễn ra với tốc độ rất nhanh so với các địa phương khác trong nước.

EM CÓ BIẾT?

Năm 2020, tỉ lệ dân thành thị của các nước đang phát triển là 51,7%, Việt Nam là 36,8%, vùng Đồng bằng sông Hồng là 37,1%.



Hình 5.1. Số dân thành thị và tỉ lệ dân thành thị của thành phố Hà Nội giai đoạn 2009 – 2020

(Nguồn: Niên giám Thống kê thành phố Hà Nội năm 2022)

Lối sống thành thị

Quá trình đô thị hoá đã hình thành lối sống thành thị của người Hà Nội. Lực lượng lao động chủ yếu tập trung trong lĩnh vực công nghiệp – xây dựng và dịch vụ, có xu hướng ngày càng tăng. Chất lượng nguồn lao động được nâng lên, người lao động có tác phong công nghiệp (tự duy, sáng tạo khoa học, trách nhiệm, kỉ luật, ham học hỏi,...), năng suất lao động cao, đáp ứng nhu cầu cho công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá của thành phố.

Dân cư thành thị Hà Nội vẫn luôn giữ được cốt cách, nét thanh lịch, lối sống có văn hoá của người Tràng An. Nếp sống đó thể hiện qua lời ăn, tiếng nói, cách ứng xử trong sinh hoạt đời thường của người dân và thể hiện rõ nét trong những tục lệ, điều ước, hương ước,... tại cộng đồng. Trong quá trình đô thị hoá, Hà Nội luôn coi trọng duy trì và phát triển văn hoá đô thị, lối sống đô thị, mà ở đó có sự hoà quyện, kết nối giữa nét thanh lịch cổ truyền với văn minh, thanh lịch hiện đại; xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh, hiện đại, tôn trọng pháp luật và phát triển toàn diện.



Dựa vào thông tin mục 1 và hình 5.1, hãy trình bày đặc điểm đô thị hoá ở thành phố Hà Nội.

Biểu hiện của đô thị hoá với phát triển bền vững ở Hà Nội

Đô thị hoá là kết quả tất yếu của sự phát triển kinh tế – xã hội, gắn liền với quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá, quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ. Tốc độ đô thị hoá của thành phố Hà Nội phụ thuộc vào trình độ phát triển kinh tế – xã hội, đồng thời quá trình đô thị hoá có tác động trở lại với quá trình tăng trưởng và phát triển kinh tế. Việc thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển công nghiệp và dịch vụ đòi hỏi phải tập trung dân cư, phát triển kết cấu hạ tầng, từ đó hình thành quá trình đô thị hoá. Công nghiệp hoá và đô thị hoá là hai quá trình song hành và hỗ trợ nhau cùng phát triển. Đô thị hoá không chỉ tác động đến quá trình phát triển các ngành và nền kinh tế mà còn tác động đến các vấn đề xã hội, môi trường và cuộc sống của các thế hệ trong tương lai.

Thành phố Hà Nội có chức năng đặc biệt; tốc độ đô thị hoá nhanh; có mục tiêu hướng tới là xây dựng, phát triển Thủ đô nhanh và bền vững theo hướng đô thị xanh, thành phố thông minh, hiện đại; phát triển văn hoá và con người Hà Nội, phát huy truyền thống Thăng Long – Hà Nội ngàn năm văn hiến và anh hùng; tăng cường vị thế, uy tín và vai trò của Thủ đô trong khu vực và quốc tế,... Vì vậy, đô thị hoá ở Hà Nội cũng cần phát triển bền vững. Đồng thời, đô thị hoá bền vững sẽ đảm bảo các điều kiện cho sự phát triển bền vững của thành phố. Đô thị hoá với phát triển bền vững thể hiện trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội và môi trường vừa thoả mãn được các nhu cầu của thế hệ hiện tại, vừa không làm tổn hại đến cuộc sống của thế hệ tương lai.

a. Đô thị hoá với phát triển kinh tế

Đô thị hoá ở thành phố Hà Nội xuất phát và gắn liền với quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Do vậy, quá trình đô thị hoá đã thúc đẩy kinh tế đô thị phát triển, cơ cấu ngành kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của thành phố Hà Nội ở mức cao và cao hơn tốc độ tăng trưởng bình quân của cả nước.

Bảng 5.2. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của thành phố Hà Nội

(Đơn vị: %)

Tiêu chí	2015	2017	2019	2020
Tốc độ tăng trưởng kinh tế	7,4	7,4	7,7	4,2

(Nguồn: Niên giám Thống kê thành phố Hà Nội năm 2022)

Quy mô nền kinh tế lớn, tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) thành phố Hà Nội tăng. Năm 2020, GRDP đạt 1 020 nghìn tỉ đồng (gấp hơn 1,5 lần GRDP năm 2015), chiếm 12,7% GRDP của cả nước.

Cơ cấu kinh tế đô thị Hà Nội chủ yếu là ngành phi nông nghiệp (ngành công nghiệp – xây dựng và dịch vụ). Cơ cấu kinh tế đang có sự chuyển dịch theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá là giảm dần tỉ trọng ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản trong tổng sản phẩm trên địa bàn Hà Nội và tăng dần tỉ trọng ngành công nghiệp – xây dựng và dịch vụ.

Bảng 5.3. Cơ cấu kinh tế theo ngành của thành phố Hà Nội giai đoạn 2015 – 2020

(Đơn vị: %)

Năm	2015	2017	2019	2020
Nông, lâm nghiệp và thủy sản	2,5	2,2	2,0	2,2
Công nghiệp và xây dựng	20,8	21,7	22,9	23,7
Dịch vụ	65,0	64,4	63,9	63,1
Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	11,7	11,7	11,2	11,0

(Nguồn: Niên giám Thống kê thành phố Hà Nội năm 2022)

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực phản ánh trình độ phát triển cao, đây là đóng góp đáng kể của quá trình đô thị hoá gắn kết chặt chẽ với công nghiệp hoá trên địa bàn Hà Nội. Đồng thời, kinh tế của thành phố Hà Nội phát triển đã tạo điều kiện để phát triển đô thị về mọi mặt, cải thiện kết cấu hạ tầng, nâng cao đời sống nhân dân. Tuy nhiên, sự chuyển dịch cơ cấu các ngành kinh tế còn chậm, ngành thương mại – dịch vụ phát triển còn chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của Thủ đô.

EM CÓ BIẾT?

Số liệu về kinh tế Việt Nam năm 2020:

- Tổng sản phẩm trong nước đạt 8 044,4 nghìn tỉ đồng.
- Tốc độ tăng trưởng kinh tế là 2,87% (năm 2015 là 6,68%).
- Cơ cấu ngành kinh tế: nông, lâm và thủy sản là 12,7%; công nghiệp và xây dựng là 36,7%; dịch vụ là 41,8%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm là 8,8%.

b. Đô thị hoá với phát triển xã hội

Đô thị hoá bền vững là quá trình đảm bảo được mối quan hệ đồng thời, tác động qua lại giữa phát triển kinh tế đô thị với phát triển xã hội – lấy con người làm trung tâm, lấy chất lượng cuộc sống của con người làm mục tiêu. Kinh tế đô thị phát triển sẽ giúp cho đô thị giải quyết tốt các vấn đề xã hội. Đồng thời, phát triển xã hội là mục tiêu của phát triển kinh tế, là tiêu chuẩn, thước đo để đánh giá trình độ nền kinh tế. Do vậy, đô thị hoá ở thành phố Hà Nội luôn gắn liền với sự phát triển xã hội. Thành phố đã thực hiện có hiệu quả nhiều hoạt động nâng cao chất lượng cuộc sống cho dân cư đô thị, như: giải quyết nhiều việc làm, giảm tỉ lệ thất nghiệp, tăng thu nhập cho người lao động; phát triển giáo dục, y tế, đảm bảo an sinh xã hội, giảm tỉ lệ nghèo xuống ở mức thấp;... Thu nhập bình quân đầu người ở Hà Nội tăng nhanh, năm 2015 là 90,5 triệu đồng, đến năm 2020 tăng lên, đạt 123,7 triệu đồng. Tuổi thọ trung bình tăng, trình độ dân trí được nâng cao.

Văn hoá, lối sống đô thị vừa giữ được giá trị truyền thống vừa phát triển phù hợp với đô thị hiện đại, thông minh. Bên cạnh các khu đô thị mới, hiện đại, Hà Nội vẫn giữ gìn các khu vực có kiến trúc xưa cũ, đó là khu phố cũ, khu thành cổ, khu phố Pháp, làng nghề, phố nghề truyền thống với nhiều di sản vật thể và phi vật thể độc đáo, giá trị. Bên cạnh lối sống nhộn nhịp, tấp nập, người Hà Nội vẫn giữ mãi nét văn hoá truyền thống, thanh lịch và tao nhã như xưa.



Hình 5.2. Hoàng thành Thăng Long



Hình 5.3. Khu phố cổ

Tuy nhiên, tình trạng di cư ồ ạt từ các địa phương vào Hà Nội tạo áp lực về giải quyết việc làm; gia tăng phân hoá mức sống; nguồn nhân lực chất lượng cao chưa đáp ứng với yêu cầu của quá trình đô thị hoá và phát triển bền vững;...

c. Đô thị hoá với bảo vệ môi trường

Quá trình đô thị hoá đã có nhiều tác động đến môi trường, cảnh quan đô thị. Để đảm bảo phát triển bền vững, bảo vệ môi trường là một nhiệm vụ hết sức quan trọng. Thành phố Hà Nội luôn chú trọng công tác bảo vệ môi trường nên chất lượng môi trường có sự chuyển biến tích cực, Thủ đô ngày càng xanh, sạch, đẹp. Thành phố đã thực hiện tốt nhiều hoạt động và phong trào bảo vệ môi trường, cảnh quan đô thị như thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt, y tế; xử lý nước thải tại các khu, cụm công nghiệp, xử lý ô nhiễm môi trường nước tại nhiều hồ nội thành, xây dựng nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt; lan toả “lối sống xanh”, “tiêu dùng xanh”, phong trào làm đẹp môi trường sống với nhiều tuyến phố, khu dân cư, đường làng, ngõ xóm được trang hoàng sạch đẹp; phát triển “không gian xanh”, trồng mới, chăm sóc và duy trì cây xanh trên địa bàn thành phố,...

Tuy nhiên, môi trường đô thị còn bị ô nhiễm như: chất lượng nước mặt sông hồ chậm cải thiện; nồng độ bụi trong môi trường không khí tại nhiều khu vực còn vượt tiêu chuẩn cho phép; nước thải sinh hoạt phần lớn chưa được thu gom, xử lý; ô nhiễm môi trường tại các làng nghề, phố nghề;...

d. Đô thị hoá với cơ sở hạ tầng đô thị

Trong quá trình đô thị hoá, Hà Nội luôn chú trọng xây dựng, phát triển cơ sở hạ tầng đô thị ngày càng đồng bộ và hiện đại nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế – xã hội, phục vụ đời sống dân cư và đảm bảo cho đô thị hoá của thành phố phát triển bền vững. Về giao thông: nhiều công trình lớn trên địa bàn Thủ đô đã hoàn thành, đưa vào sử dụng, tạo kết nối liên vùng và các khu vực đô thị của thành phố; xây dựng, cải tạo, nâng cấp, hoàn thiện các tuyến đường xuyên tâm, vành đai như: Quốc lộ 1A, Quốc lộ 6, Vành đai 1, Vành đai 2, Vành đai 3,...; xây dựng các tuyến đường sắt đô thị, các cầu qua sông Hồng. Đặc biệt, Hà Nội sẽ tập trung đầu tư xây dựng tuyến đường Vành đai 4 – Vùng Thủ đô để tạo động lực mới phát triển đô thị trung tâm, các đô thị vệ tinh; mở rộng không gian phát triển cho thành phố Hà Nội.



Hình 5.4. Đại lộ Thăng Long



Hình 5.5. Cầu Nhật Tân

Về hạ tầng điện, nước: thành phố quan tâm đầu tư hệ thống cấp, thoát nước, điện và chiếu sáng. Việc cung cấp điện được đảm bảo ổn định, an toàn cho sản xuất và sinh hoạt; hệ thống chiếu sáng, trang trí đô thị được đầu tư và tăng cường kết nối về trung tâm điều khiển, đảm bảo tỉ lệ chiếu sáng từ 95 – 98%; đầu tư cấp nước sạch cho người dân khu vực ven đô, nông thôn.

Về công trình công cộng: xây dựng, cải tạo nhiều các khu vực vui chơi, giải trí như vườn hoa, công viên, sân gôn, sân tennis, bể bơi nước nóng, các điểm chiếu phim hiện đại,...; hệ thống cây xanh được mở rộng.



Hình 5.6. Công viên Cầu Giấy



Hình 5.7. Đường Võ Chí Công (quận Tây Hồ) được trồng mới 5 tầng cây

Về nhà ở: đầu tư, xây dựng và đưa vào sử dụng các khu đô thị mới, khu nhà ở, các trung tâm thương mại theo hướng đồng bộ, văn minh. Phát triển nhà ở xã hội, cải tạo một số nhà chung cư cũ đảm bảo chỗ ở, chất lượng cuộc sống cho dân cư đô thị.



Hình 5.8. Một khu đô thị mới ở Hà Nội

Về hạ tầng giáo dục, y tế, văn hoá: quy mô, mạng lưới trường lớp được mở rộng, đa dạng hoá và đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại, gắn liền với việc nâng cao chất lượng giáo dục; mạng lưới bệnh viện và trạm y tế được xây dựng đồng bộ và rộng khắp, nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh; các di tích văn hoá – lịch sử được tu bổ, tôn tạo, giữ gìn và phát huy giá trị.

Tuy nhiên, tính đồng bộ của hệ thống hạ tầng đô thị còn chưa cao, nhất là lĩnh vực giao thông, cấp, thoát nước, xử lý rác thải, nước thải. Phát triển nhà ở xã hội, việc cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư cũ còn chậm. Không gian sinh hoạt, vui chơi giải trí cho cộng đồng dân cư khu vực nội đô còn thiếu, hiện tượng ngập úng, tắc nghẽn còn tồn tại,...

e. Đô thị hoá với việc mở rộng không gian đô thị

Đô thị hoá gắn liền với việc mở rộng không gian đô thị đã tạo lợi thế phát triển kinh tế – xã hội và đô thị hoá bền vững. Cùng với quá trình đô thị hoá, việc mở rộng không gian Hà Nội đã diễn ra nhiều lần. Từ năm 1954 đến nay, lãnh thổ của thành phố đã có nhiều thay đổi, trong đó, sự điều chỉnh quan trọng nhất là vào các năm 1961, 1978, 1991 và 2008. Những lần điều chỉnh này có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển kinh tế – xã hội của Thủ đô. Đến nay, thành phố Hà Nội được mở rộng với diện tích tự nhiên là 3 359,8 km². Việc mở rộng Hà Nội thực sự cần thiết cho hướng phát triển bền vững Thủ đô, nhất là nhu cầu của quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Hình thành và phát triển vùng Thủ đô đã mở rộng phạm vi lan toả của đô thị Hà Nội với các địa phương khác. Vùng này được xác định sẽ trở thành vùng kinh tế tổng hợp

lớn của quốc gia và khu vực châu Á – Thái Bình Dương, có cơ cấu ngành đa dạng và không gian phát triển kinh tế trọng tâm theo các hướng gắn liền với thế mạnh của các tỉnh xung quanh thành phố.



Dựa thông tin mục 2 và bảng 5.2, 5.3; hãy trình bày một số biểu hiện của đô thị hoá với sự phát triển bền vững ở thành phố Hà Nội.



Luyện tập

- Vẽ sơ đồ thể hiện đặc điểm của đô thị hoá và biểu hiện của đô thị hoá với phát triển bền vững ở thành phố Hà Nội.
- Dựa vào bảng 5.4, em hãy:

Bảng 5.4. Cơ cấu lao động phân theo khu vực kinh tế của thành phố Hà Nội

(Đơn vị: %)

Năm	2015	2017	2019	2020
Nông, lâm nghiệp và thủy sản	19,7	16,6	12,1	11,6
Công nghiệp và xây dựng	26,8	30,2	32,1	32,5
Dịch vụ	53,5	53,2	55,8	55,9

(Nguồn: Niên giám Thống kê thành phố Hà Nội năm 2022)

- Vẽ biểu đồ thể hiện cơ cấu lao động phân theo khu vực kinh tế của thành phố Hà Nội giai đoạn 2015 – 2020.
- Nhận xét và giải thích sự thay đổi cơ cấu lao động kinh tế của thành phố.



Vận dụng

Tìm hiểu và đề xuất một số biện pháp để khắc phục một trong những vấn đề thiếu bền vững của đô thị hoá của thành phố Hà Nội.

Gợi ý: tắc nghẽn giao thông; ngập lụt; giải quyết việc làm; ô nhiễm môi trường đô thị; giữ gìn nét đẹp văn hoá đô thị và lối sống thanh lịch của người Hà Nội;...

Các ngành kinh tế chủ yếu của Hà Nội

Mục tiêu

- Trình bày được đặc điểm phát triển, cơ cấu các ngành kinh tế chủ yếu của Hà Nội.
- Trình bày được sự phân bố các ngành kinh tế chủ yếu trên địa bàn Hà Nội.
- Có ý thức quan tâm, tìm hiểu về các ngành kinh tế của Hà Nội.



Hà Nội là trung tâm kinh tế lớn thứ hai của cả nước. Nền kinh tế của thành phố phát triển nhanh với tốc độ tăng trưởng cao, cơ cấu kinh tế đa dạng và có sự chuyển dịch theo hướng công nghệ cao và dịch vụ hiện đại nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế trong nước và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.



Em hãy nêu một số điểm nổi bật về kinh tế của Hà Nội so với các địa phương khác mà em biết.



Công nghiệp

Ngành công nghiệp Hà Nội có lịch sử phát triển từ lâu đời. Trong những năm gần đây, công nghiệp thành phố đang chuyển nhanh theo hướng công nghệ cao, hiện đại hoá, hội nhập với khu vực và thế giới. Hà Nội là trung tâm công nghiệp lớn thứ hai của cả nước sau Thành phố Hồ Chí Minh. Năm 2015, giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp – xây dựng (theo giá thực tế) chiếm 9,4% của cả nước và 43,1% của vùng Đồng bằng sông Hồng. Năm 2020, giá trị tương ứng là 8,9% và 41,2%. Tốc độ tăng trưởng của giá trị sản xuất trong giai đoạn trên là 7,2% tương đương với mức trung bình cả nước. Đến năm 2022, ngành công nghiệp – xây dựng chiếm 24,04% tổng sản phẩm của toàn thành phố (GRDP) và thu hút khoảng 27,6% số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế.

- Cơ cấu công nghiệp theo thành phần kinh tế: Trên địa bàn thành phố có khu vực kinh tế Nhà nước (Trung ương và địa phương), khu vực kinh tế ngoài Nhà nước (tập thể, tư nhân, cá thể) và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài. Trong đó khu vực đầu tư nước ngoài ngày càng chiếm vị trí quan trọng, tập trung vào những ngành công nghiệp then chốt như thiết bị điện tử, cơ khí chế tạo, chế biến thực phẩm – đồ uống,...
- Cơ cấu ngành công nghiệp Hà Nội tương đối đa dạng và đang chuyển dịch theo hướng phát triển mạnh công nghiệp công nghệ cao (công nghiệp phần mềm, thiết bị tin học, tự động hoá,...), công nghệ sạch, các sản phẩm có hàm lượng chất xám cao, khuyến khích phát triển công nghiệp phụ trợ, các sản phẩm công nghiệp chủ lực; đồng thời khôi phục và phát triển tiểu thủ công nghiệp, các làng nghề truyền thống để tạo ra nhiều sản phẩm cho xuất khẩu.

Trong cơ cấu công nghiệp phân theo 3 nhóm ngành lớn thì công nghiệp chế biến chiếm gần như tuyệt đối (92,7%), nhóm ngành sản xuất và phân phối ga, điện, nước (6,8%), nhóm ngành công nghiệp khai thác không đáng kể (0,5%).

Hiện nay, trên địa bàn Hà Nội, các ngành công nghiệp phát triển nhất là công nghiệp cơ khí – chế tạo, điện tử – tin học, chế biến lương thực – thực phẩm, dệt may – da giày, hoá chất,...



Hình 6.1. Khu công nghiệp Thăng Long

- Phân bố công nghiệp theo lãnh thổ: Hiện nay, sản xuất công nghiệp trên địa bàn Hà Nội tập trung chủ yếu ở các khu công nghiệp. Tính đến năm 2022, Hà Nội đã có 38 khu công nghiệp, trong đó có nhiều khu công nghiệp có diện tích lớn, thu hút đầu tư nước ngoài về vốn và công nghệ cao, hoạt động hiệu quả cao như: Thăng Long, Bắc Thăng Long, Nam Thăng Long, Đài Tư, Nội Bài, Quang Minh, Sóc Sơn, Đông Anh, Hoà Lạc,... Bên cạnh đó là các khu công nghiệp nhỏ và vừa, các cụm công nghiệp nhằm thu hút các cơ sở công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp, làng nghề

và giảm bớt việc tập trung quá đông dân ở khu vực nội đô như cụm công nghiệp Ngọc Hồi, Đông Anh, Gia Lâm,... Tận dụng lợi thế về giao thông, Hà Nội đang phát triển các cơ sở công nghiệp theo hướng “hành lang công nghiệp” như hành lang công nghiệp theo Quốc lộ 5, Quốc lộ 3, Quốc lộ 1A, Láng – Hoà Lạc,...

Các ngành công nghiệp của Hà Nội đang từng bước áp dụng, thay thế các công nghệ cũ bằng công nghệ mới, hiện đại, đáp ứng được nhu cầu của thị trường.



- Dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của bản thân, em hãy cho biết Hà Nội có những thuận lợi nào để phát triển các ngành công nghiệp?
- Hãy kể tên những ngành công nghiệp trọng điểm của Hà Nội. Tại sao Hà Nội lại chú trọng phát triển các ngành công nghiệp kĩ thuật cao?

Dịch vụ

Giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, thương mại, du lịch,... là các ngành dịch vụ có vai trò rất lớn trong hoạt động kinh tế và phục vụ nhu cầu dân cư của Hà Nội. Khu vực dịch vụ chiếm 63,22% GRDP và thu hút khoảng 56% lao động toàn thành phố (năm 2022).

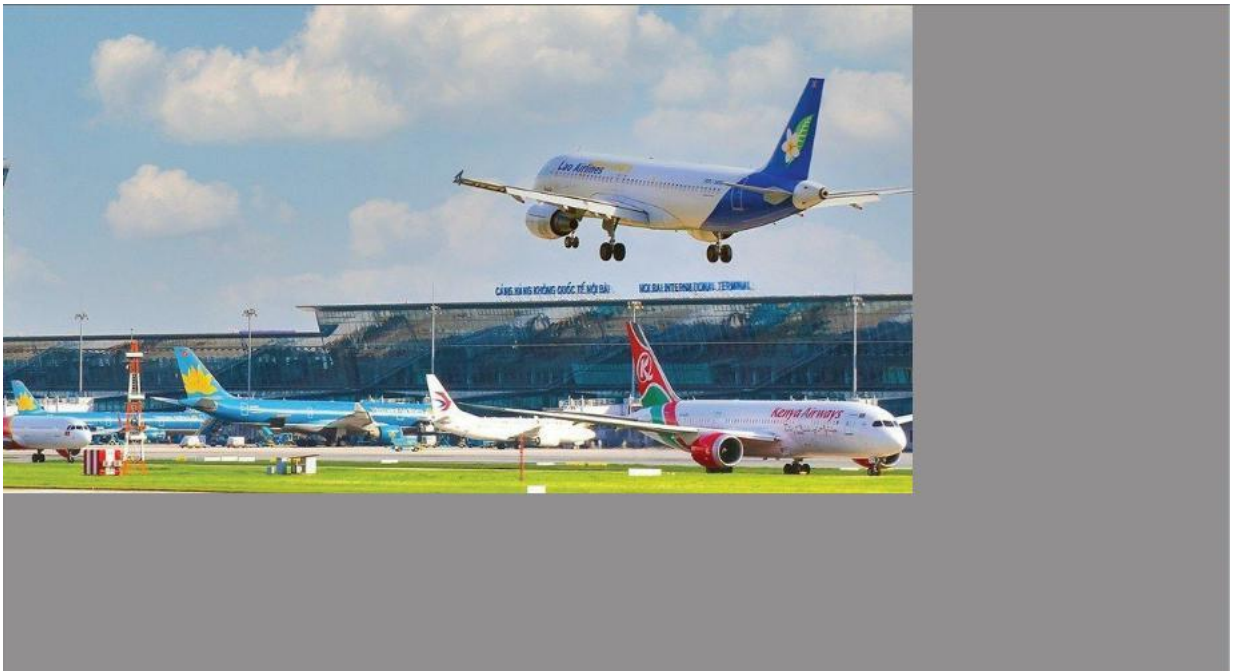
- Giao thông vận tải:

Hà Nội là đầu mối giao thông quan trọng nhất cả nước với sự hội tụ của nhiều tuyến đường bộ, đường sắt, đường sông, đường hàng không. Hệ thống này nối liền thủ đô với các tỉnh, thành phố khác trong cả nước và trên thế giới:

Mạng lưới đường bộ trên địa bàn Hà Nội tương đối phát triển với tổng chiều dài gần 6 000 km, mật độ đường 1,8 km/ km² gấp gần 4 lần mật độ trung bình cả nước. Các tuyến đường bộ chính đi qua Hà Nội là Quốc lộ 1A, 2, 3, 5, 6, 18, 21, 32 đều đã được nâng cấp, mở rộng, đáp ứng cơ bản nhu cầu vận tải. Bên cạnh đó, Hà Nội đã đầu tư các tuyến đường cao tốc nối với các địa phương như cao tốc Pháp Vân – Ninh Bình, Láng – Hoà Bình, Hà Nội – Hải Phòng, Hà Nội – Lào Cai, Hà Nội – Thái Nguyên,... và các đường Vành đai 1, 2, 2.5, 3,... giúp cho quá trình lưu thông trở nên thuận tiện, đồng thời là điều kiện để thu hút đầu tư trên địa bàn.

Hà Nội là đầu mối giao thông đường sắt quan trọng nhất với các tuyến đường chính là: Hà Nội – Hải Phòng, Hà Nội – Lào Cai, Hà Nội – Lạng Sơn, Hà Nội – Thái Nguyên và Hà Nội – Thành phố Hồ Chí Minh. Hà Nội cũng là địa phương đầu tiên của cả nước có tuyến đường sắt trên cao Cát Linh – Hà Đông và nhiều tuyến tàu điện ngầm khác đang được xây dựng.

Hà Nội có sân bay quốc tế Nội Bài. Đây là sân bay lớn thứ hai cả nước sau sân bay Tân Sơn Nhất với công suất 29 triệu hành khách/ năm. Từ Hà Nội, có đường bay tới 19 sân bay trong nước, 22 quốc gia và các khu vực trên thế giới. Sân bay Nội Bài giúp cho việc giao lưu từ Hà Nội đến các địa phương khác và các nước trên thế giới được nhanh chóng và tiện lợi.



Hình 6.2. Sân bay quốc tế Nội Bài

– Bưu chính viễn thông:

Dịch vụ bưu chính của Hà Nội đang được đầu tư, trang thiết bị hiện đại và mở rộng với các dịch vụ được phát triển đến từng phường, xã, khu phố, thôn với các trung tâm đầu mối, bưu cục, điểm phục vụ bao gồm đầy đủ các loại hình như các dịch vụ: chuyển phát nhanh EMS, bưu phẩm, điện hoa, chuyển tiền trong nước và quốc tế,...

Dịch vụ viễn thông phát triển rất nhanh, đạt trình độ hiện đại của thế giới về công nghệ, đáp ứng mọi loại dịch vụ theo nhu cầu của xã hội, từ dịch vụ thuê bao điện thoại (cố định, di động, trong nước, quốc tế) đến các dịch vụ truyền số liệu, dịch vụ internet,... thông qua các hệ thống vệ tinh, cáp quang băng thông rộng,... Hà Nội là một trong những địa phương đầu tiên của cả nước đang thí điểm mạng di động 5G, điều này sẽ mở ra những ứng dụng hoàn toàn mới và thúc đẩy sự ứng dụng công nghệ trong đời sống và sản xuất trong những năm tới.

– Thương mại:

Do sự phát triển của các ngành kinh tế và nhu cầu xã hội tăng cao nên hoạt động thương mại, dịch vụ trên địa bàn Hà Nội phát triển mạnh.

Sự phát triển của nội thương được thể hiện qua tổng mức bán lẻ hàng hoá và dịch vụ. Nếu như năm 2010, tổng mức bán lẻ hàng hoá của Hà Nội đạt 162 nghìn tỉ đồng theo giá thực tế thì năm 2022, con số này đã là 697,7 nghìn tỉ đồng, chiếm 14,2% so với cả nước và 61% của vùng Đồng bằng sông Hồng; tốc độ tăng trưởng bình quân khoảng 22%/năm. Các địa bàn có mức bán lẻ hàng hoá lớn là các quận nội thành.

Sự phát triển của ngoại thương: Hàng hoá xuất khẩu có xu hướng tăng sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao, giá trị gia tăng lớn. Năm 2010, trị giá xuất nhập khẩu của thành phố đạt 28,3 tỉ USD (xuất khẩu 11 tỉ USD, nhập khẩu 17,3 tỉ USD). Đến năm 2022, mặc dù có nhiều khó khăn do dịch Covid-19 nhưng giá trị xuất nhập khẩu của thành phố vẫn đạt 58 tỉ USD, trong đó xuất khẩu đạt 17,1 tỉ USD. Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu là hàng dệt may, điện tử, linh kiện máy tính và thiết bị ngoại vi,... Hàng nhập khẩu chủ yếu là máy móc thiết bị, vật tư nguyên liệu, xăng dầu và hàng tiêu dùng,...

– Tài chính – ngân hàng:

Tính đến năm 2022, trên địa bàn Hà Nội có 36 ngân hàng đang hoạt động (trong đó có 9 ngân hàng nước ngoài) với hàng nghìn chi nhánh, điểm giao dịch. Các hoạt động tài chính – ngân hàng đã hỗ trợ nguồn vốn cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh, thúc đẩy nền kinh tế phát triển.

– Du lịch:

Với vị trí địa lý kinh tế – chính trị – giao thông thuận lợi, nguồn tài nguyên du lịch tự nhiên, văn hoá – lịch sử phong phú và có giá trị, Hà Nội là điểm đến hấp dẫn đối với du khách trong nước và quốc tế. Năm 2010, Hà Nội đón 8,3 triệu lượt khách (trong đó có 1,1 triệu khách quốc tế), doanh thu 8,5 nghìn tỉ đồng. Mặc dù chịu ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid-19 trong các năm 2019 – 2021 nhưng đến năm 2022, Hà Nội đã đón 18,7 triệu lượt khách, trong đó có 1,5 triệu khách quốc tế, doanh thu đạt hơn 60 nghìn tỉ đồng (bằng 53% so với năm 2019).

Các khu du lịch có ý nghĩa quốc gia và quốc tế của Hà Nội là: Di tích Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, Phố cổ Hà Nội, Hoàng thành Thăng Long, Chùa Hương, Cổ Loa, Hồ Tây, Ba Vì, các làng nghề Bát Tràng, Vạn Phúc,...



Đọc thông tin trong bài và cho biết Hà Nội có những ưu thế nào để phát triển các ngành dịch vụ? Nêu vai trò của ngành này đối với sản xuất và đời sống.

Nông, lâm nghiệp và thủy sản

Tuy Hà Nội là thủ đô, trung tâm hành chính – chính trị của cả nước nhưng ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản vẫn chiếm vị trí nhất định trong cơ cấu kinh tế do những nguồn lực sẵn có về đất đai, khí hậu, nguồn nước; các nguồn lực về kinh tế, lao động và nhu cầu về lương thực, thực phẩm cho dân cư thành phố cũng như thị trường trong nước và xuất khẩu.

Năm 2022, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chỉ chiếm 2,08% trong GRDP nhưng chiếm tới 17% tổng số lao động của thành phố.

Trong cơ cấu ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản thì sản xuất nông nghiệp chiếm ưu thế vượt trội, chiếm 95,6% giá trị sản xuất toàn ngành, sản xuất thủy sản 4,1%, còn lâm nghiệp chỉ có 0,3%. Tổng giá trị sản xuất toàn ngành đạt 40 nghìn tỉ đồng và tăng 2,1% so với năm 2021.

Xu hướng chung của thành phố là sẽ giảm dần tỉ trọng của ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản (phần đầu đến năm 2025, tỉ trọng của ngành chỉ còn chiếm khoảng 1,5% trong giá trị GRDP của thành phố), chuyển đổi dần diện tích trồng lương thực sang trồng các loại cây thực phẩm, cây ăn quả có giá trị kinh tế cao, đi liền với đó là công nghệ chế biến nhằm tăng giá trị sản xuất trong nông nghiệp. Hình thành các “vành đai xanh” của thành phố.

Những địa bàn sản xuất nông nghiệp chính là các huyện ngoại thành như: Phú Xuyên, Thường Tín, Ba Vì, Mê Linh, Đông Anh, Sóc Sơn,...



Đọc thông tin trong mục 3 cùng với hiểu biết của bản thân, em hãy cho biết vì sao ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản của Hà Nội chỉ chiếm tỉ trọng nhỏ trong GRDP của thành phố?



Luyện tập

Cho bảng số liệu sau:

Cơ cấu GRDP của Hà Nội năm 2022

(đơn vị: %)

Công nghiệp – xây dựng	Dịch vụ	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp
22,04	63,22	2,08	12,66

Em hãy vẽ biểu đồ thể hiện cơ cấu GRDP của Hà Nội năm 2022. Nhận xét và giải thích về cơ cấu các ngành kinh tế.



Vận dụng

Em hãy tìm hiểu về một khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội theo các gợi ý sau:

- Quy mô khu công nghiệp (diện tích, tổng số vốn đầu tư, tổng số lao động, tổng giá trị sản xuất,...)
- Các sản phẩm chính, thị trường tiêu thụ,...
- Xu hướng phát triển.

Chia sẻ những thông tin em tìm hiểu được cho các bạn trong lớp.

Hệ sinh thái đa dạng của thành phố Hà Nội

Mục tiêu

- Trình bày được một số hệ sinh thái điển hình của thành phố Hà Nội và đa dạng sinh học của chúng.
- Phân tích được mối quan hệ giữa đa dạng sinh học của các hệ sinh thái với sự phát triển bền vững.



Mở đầu

Hà Nội có hệ sinh thái đa dạng phong phú, không chỉ về thành phần động, thực vật, chi (giống), loài, mà còn về hệ sinh thái và nguồn gen quý hiếm. Hiện nay đa dạng sinh học của thành phố Hà Nội đang bị suy giảm do một số nguyên nhân như áp lực của sự gia tăng dân số, quá trình đô thị hoá, biến đổi khí hậu, phương thức sản xuất thay đổi,... đã làm giảm đáng kể diện tích sinh cảnh tự nhiên, tăng sự chia cắt các hệ sinh thái, suy giảm môi trường sống của nhiều loài động, thực vật. Nguồn tài nguyên thiên nhiên, đặc biệt là tài nguyên sinh vật bị khai thác quá mức.

Gắn mục tiêu phát triển kinh tế – xã hội đi đôi với bảo vệ môi trường, thành phố tiếp tục đẩy mạnh hoạt động bảo tồn, sử dụng và phát triển bền vững nguồn gen quý hiếm, đa dạng sinh học và hệ sinh thái tự nhiên.



1. Kể tên một số loài động vật, thực vật trong một hệ sinh thái ở thành phố Hà Nội mà em biết.
2. Nêu một số nguyên nhân dẫn đến suy giảm đa dạng sinh học của thành phố Hà Nội.



Kiến thức mới

Một số hệ sinh thái điển hình của thành phố Hà Nội

Một trong những nét đặc trưng của địa hình Hà Nội là có nhiều sông, hồ, đầm tự nhiên. Đặc trưng này đã tạo nên nhiều cảnh quan sinh thái đẹp cho thành phố, điều hoà khí hậu khu vực, rất có giá trị đối với du lịch, giải trí và nghỉ dưỡng nói riêng và phát triển kinh tế nói chung.

Hà Nội có các hệ sinh thái với nhiều loài thực vật, động vật đặc trưng cho thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa, có giá trị đa dạng sinh học cao. Điển hình của thành phố Hà Nội là các hệ sinh thái núi thấp và núi trung bình Ba Vì với đặc trưng rừng nhiệt đới cây lá rộng; hệ sinh thái núi đá vôi thuộc huyện Mỹ Đức và hệ sinh thái hồ, điển hình là Hồ Tây,... Khu hệ thực vật, động vật trong các hệ sinh thái của Hà Nội khá phong phú và đa dạng. Dưới đây là một số hệ sinh thái điển hình của Hà Nội:

a. Hệ sinh thái núi thấp và núi trung bình Ba Vì

Hệ sinh thái núi thấp và núi trung bình Ba Vì (trong đó phần lớn thuộc Vườn quốc gia Ba Vì) nằm ở phía tây của thành phố Hà Nội. Đây là hệ sinh thái còn giữ được tính nguyên sinh vì ít bị tác động từ con người để phục vụ cho các hoạt động sản xuất.



Hình 7.1. Đa dạng sinh học ở Vườn quốc gia Ba Vì

Hệ thực vật trong khu vực có khoảng 1 209 loài thuộc 649 chi, 160 họ và thuộc 6 ngành thực vật bậc cao có mạch, trong đó có 48 loài thực vật quý hiếm được ghi trong *Sách đỏ Việt Nam*. Thảm thực vật trong vùng gồm các kiểu chính: Rừng kín lá rộng thường xanh mưa ẩm á nhiệt đới núi trung bình; rừng kín thường xanh hỗn hợp cây lá rộng, cây lá kim á nhiệt đới núi thấp và núi trung bình; rừng kín lá rộng thường xanh mưa ẩm nhiệt đới núi thấp.

Hệ động vật thuộc hệ sinh thái núi thấp và núi trung bình gần như đại diện cho hệ động vật trong vùng. Hiện nay nhóm động vật xương sống ở Vườn quốc gia Ba Vì có 342 loài. Trong đó lớp thú có 63 loài thuộc 24 họ của 8 bộ. Lớp chim phong phú nhất với 191 loài thuộc 48 họ của 17 bộ. Lớp bò sát có 61 loài. Lớp ếch nhái có 27 loài. Trong vùng có nhiều loại động vật rừng quý hiếm. Nhiều loài có tên trong *Sách đỏ Việt Nam* như: Tê tê vàng, cò hương, rắn hổ chúa,...

Vườn quốc gia Ba Vì có cấu trúc hệ thực vật rất phong phú và đa dạng bao gồm các loài cây nhiệt đới, các loài cây cận nhiệt đới trên núi. Khu hệ thực vật có 4 ngành thực vật bậc cao có mạch. Hiện nay có khoảng hơn 500 loài cây tài nguyên thuộc 4 nhóm: nhóm cây cho gỗ, nhóm cây làm thuốc, nhóm cây ăn được và nhóm cây làm cảnh và bóng mát. Hệ động vật Vườn quốc gia Ba Vì rất phong phú và đa dạng. Lớp thú có hàng trăm loài đặc trưng như: nai, hươu sao chim, sóc đen,... Ngoài ra, còn có một số loài chim, bò sát, ếch nhái và côn trùng.

b. Hệ sinh thái núi đá vôi Hương Sơn – Quan Sơn

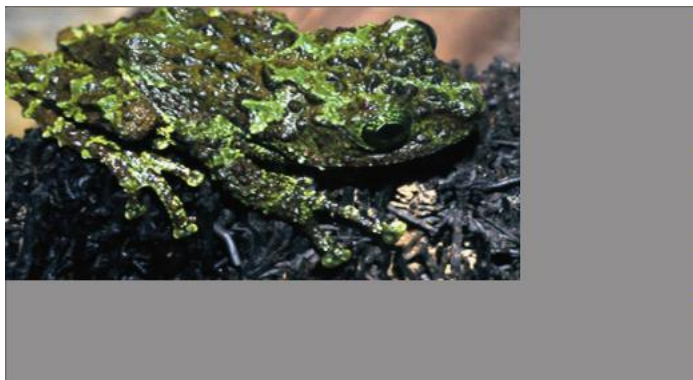
Hệ sinh thái núi đá vôi Hương Sơn – Quan Sơn trong đó có khu dự trữ thiên nhiên Hương Sơn – Quan Sơn thuộc phạm vi huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội. Khu dự trữ thiên nhiên Hương Sơn – Quan Sơn có nhiệm vụ: bảo vệ hệ sinh thái rừng trên núi đá vôi; bảo vệ và gìn giữ các nguồn gen động, thực vật quý hiếm, các đặc sản rừng; bảo tồn và khai thác các di tích văn hoá, di tích lịch sử và cảnh quan thiên nhiên thuộc quần thể chùa Hương và vùng phụ cận. Ngoài ra, khu vực này còn tổ chức các hoạt động tham quan, nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái.

Hệ thực vật của vùng Hương Sơn – Quan Sơn có khoảng 832 loài. Trong vùng có các loài có giá trị trong hệ thực vật như mơ Hương Tích, củ mài, rau sắng, sưa,...

Hệ động vật khá phong phú có nhiều loài thú, chim, bò sát, ếch nhái,... Trong vùng có nhiều loài động vật quý hiếm như: báo hoa mai, báo gấm, cu ly, khỉ mặt đỏ,... một số loài chim quý như gà lôi trắng, công, trĩ sao,... Về lưỡng cư, bò sát có hàng chục loài quý hiếm như trăn đất, tắc kè, rắn hổ mang,...



Hình 7.2. Lan một lá



Hình 7.3. Ếch cây sần hai màu

c. Hệ sinh thái thủy vực

Hệ sinh thái thủy vực được phân chia thành 2 dạng:

- Hệ sinh thái nước chảy gồm sông, suối: sông Hồng, sông Nhuệ, suối Hai, suối Bản Xôi (Ba Vì),...
- Hệ sinh thái nước đứng gồm ao, hồ, đầm: Hồ Tây, hồ Gươm, hồ Suối Hai, hồ Đồng Mô – Ngải Sơn,...

* Hệ sinh thái sông Hồng

Hệ động vật các khu bãi giữa sông Hồng đoạn chảy qua Hà Nội có rất nhiều loài chim di trú, trong đó có nhiều loài có tên trong *Sách Đỏ Việt Nam*.

Hệ thực vật có một số loài cây thuốc quý có giá trị kinh tế cao, trong đó phổ biến nhất là ngưu bàng và một số cây lương thực như ngô, khoai,... Ngoài ra, các khu vực bãi đá sông Hồng, có rất nhiều loài hoa như bách nhật, cải vàng, hồng leo, cúc, đồng tiền, mào gà, quất, đào,...

* Hệ sinh thái Hồ Tây

Hệ thực vật điển hình trong khu vực Hồ Tây gồm các cây thủy sinh như: sen, súng,...; cây cảnh, hoa và cây bóng mát như xà cừ, bạch đàn,...

Hệ động vật ở Hồ Tây cũng khá đa dạng, có nhiều loài chim như sâm cầm và le le. Ngoài ra ở Hồ Tây còn có nhiều loài cá, tôm, bò sát, ếch nhái,...



Hình 7.4. Hồ Tây – Lá phổi xanh của thành phố Hà Nội

* *Hệ sinh thái Hồ Gươm*

Hệ thực vật khu vực Hồ Gươm chủ yếu là tập đoàn cây cảnh, hoa, cây xanh bóng mát như: Tường vi, lộc vừng, liễu, gạo, vông, si, sấu,...

Thành phần thực vật phù du rất phong phú với nhiều các loài tảo như: tảo lam, tảo lục, tảo silic và tảo mắt.

Hệ động vật gồm nhiều loài động vật nổi (thuộc ngành chân khớp, giun tròn) và một số loài động vật đáy. Đặc biệt đây là nơi sinh sống của loài Rùa Hồ Gươm ở thứ hạng cực kì nguy cấp trong *Sách đỏ Việt Nam* (2007).



Hình 7.5. Cây lộc vừng cổ thụ bên Hồ Gươm

* *Hệ sinh thái Đồng Mô – Ngải Sơn*

Hệ thực vật khu vực Đồng Mô – Ngải Sơn gồm các quần xã cây trồng như lúa nước và hoa màu. Ngoài ra ở đây còn có các loại cây ăn quả như vải, nhãn, cam,...

Trên địa hình đồi núi thấp thường là rừng trồng với một số kiểu rừng phổ biến như: keo lá tràm, keo tai tượng,...

Hiện nay, hệ động vật của khu vực Đồng Mô – Ngải Sơn có 19 loài thú, 82 loài chim, 27 loài bò sát – ếch nhái và khoảng 38 loài cá đang sinh sống. Trong đó có 9 loài động vật quý hiếm có giá trị bảo tồn cao.

d. Hệ sinh thái khu dân cư đô thị

Thành phố Hà Nội định hướng phát triển là đô thị xanh, văn minh, hiện đại có bản sắc trên nền tảng phát triển bền vững. Tổ chức không gian đô thị Hà Nội có mô hình chùm đô thị với đô thị trung tâm, các đô thị vệ tinh và các thị trấn vùng nông thôn. Đô thị trung tâm phân cách với các đô thị vệ tinh và các thị trấn bằng hành lang xanh với chức năng của rừng đô thị, góp phần cải thiện khí hậu, môi trường của thành phố.

Đặc trưng của hệ sinh thái này là mật độ dân số cao không có thực vật phủ lớn. Ở khu vực ngoại thành sẽ hình thành các vành đai cây xanh gần với các công viên sinh thái quy mô lớn. Ở khu vực nông thôn, hệ thống đồi núi, sông hồ, rừng tự nhiên, các vùng nông nghiệp sẽ là khu phục vụ đô thị, giữ gìn và đảm bảo cảnh quan, môi trường sống đô thị.



Hình 7.6. Phố Ô Quan Chưởng, quận Hoàn Kiếm

Cây xanh đô thị thành phố Hà Nội khá đa dạng. Trong khu dân cư đô thị có những loại cây bóng mát phổ biến như: xà cừ, sấu, hoa sữa và các cây cảnh trong văn phòng, nhà ở. Một số loài vụn tuế, hoàng lan, ngọc lan,... hay trồng bên các miếu; loài bàng, các loài đa, si hay sanh thường trồng ở các đình, đền.

EM CÓ BIẾT?

Hà Nội có 4 hệ sinh thái nhân tạo, trong đó, hệ sinh thái khu dân cư đô thị chứa đựng nhiều giá trị đa dạng sinh học cần được bảo vệ và phát triển. Trừ hệ sinh thái rừng trồng, còn lại đều đang lưu giữ nguồn gen cây trồng, vật nuôi quý hiếm, cây di sản (cây cổ thụ) cần được bảo tồn.

Về hệ động vật trong khu dân cư đô thị chủ yếu là động vật nuôi. Nhóm thú có các loài phổ biến là các loài thuộc họ dơi, họ chiuột. Nhóm chim chủ yếu là chim sâu, sè, chào mào, chích choè. Nhóm bò sát và ếch nhái có các loài như: cóc nhà, thằn lằn bóng đuôi dài.

e. Hệ sinh thái khu dân cư nông thôn

Hệ sinh thái dân cư nông thôn phân bố tập trung thành các thôn, làng, xã trên các thềm đất cao của đồng bằng. Đặc trưng của hệ sinh thái này là có mật độ dân thấp, lớp phủ thực vật có tỉ lệ tương đối cao.

Thực vật trong hệ sinh thái khu dân cư nông thôn chủ yếu là các cây trồng phục vụ nhiều mục đích khác nhau như lương thực, thực phẩm, cây ăn quả, lấy gỗ, cây thuốc,...

Về hệ động vật, trong khu dân cư nông thôn, động vật hoang dã chủ yếu là các loài chuột như chuột cống, chuột nhà,...; các loài bò sát như rắn lùn, thạch sùng và các loài lưỡng cư gồm loài ếch, cóc,... Ngoài ra còn có một số loài chim như chim sẻ, cú mèo,... Động vật nuôi có trâu, bò, vịt, ngan,...



Hình 7.7. Xây dựng nông thôn mới ở xã Thượng Mỗ, huyện Đan Phượng



- Thành phố Hà Nội có những hệ sinh thái điển hình nào? Hãy nêu sự đa dạng sinh học của các hệ sinh thái đó.
- Địa phương em có những hệ sinh thái nào? Nêu một số hoạt động bảo vệ hệ sinh thái ở địa phương em sinh sống.

Mối quan hệ giữa đa dạng sinh học của các hệ sinh thái với phát triển bền vững

Đa dạng sinh học có một vai trò vô cùng quan trọng đối với mỗi địa phương, mỗi quốc gia và vùng lãnh thổ. Đa dạng sinh học là nguồn cung cấp lương thực, thực phẩm, dược liệu, vật liệu,... là nguồn tài nguyên quan trọng cần được giữ gìn, bảo tồn và phát huy để duy trì cân bằng sinh thái cho cả khu vực.

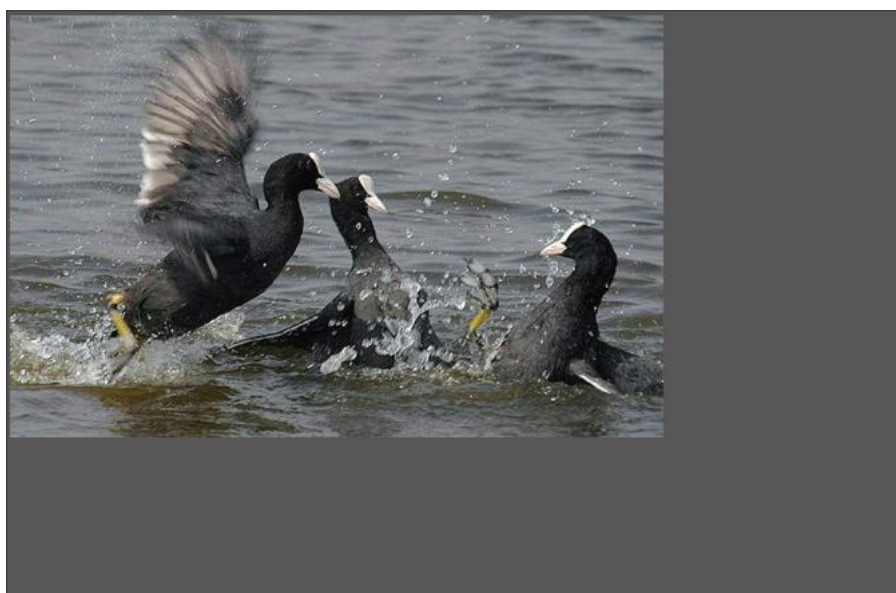
Bảo tồn đa dạng sinh học có ý nghĩa rất quan trọng cho mục tiêu phát triển bền vững. Bảo tồn đa dạng sinh học nhằm duy trì tính toàn vẹn của hệ sinh thái, giúp giảm nhẹ những tác động của thiên tai và tăng khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, nâng cao sức khỏe và chất lượng cuộc sống của con người.

Vấn đề xung đột giữa thiên nhiên và con người ngày càng lớn do sự gia tăng dân số và nhu cầu sử dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên vào sản xuất làm cho môi trường sống của hệ động, thực vật ngày càng suy giảm,... tác động mạnh mẽ tới hệ sinh thái của Thủ đô.

Dưới đây là một số ví dụ về mối quan hệ giữa đa dạng sinh học của các hệ sinh thái với phát triển bền vững:

a. Hệ sinh thái Hồ Tây

Hồ Tây là một hệ sinh thái thủy vực đặc biệt với sự đa dạng về động thực vật, được coi là điển hình nhất của các hệ sinh thái nước ngọt, nước đứng đồng bằng Bắc Bộ. Hệ sinh thái vùng Hồ Tây kết hợp với hệ sinh thái sông Hồng, khu vực cảnh quan môi trường vườn Bách Thảo tạo thành lá phổi xanh cho khu vực nội thành Hà Nội.



Hình 7.8. Chim sâm cầm ở Hồ Tây

Hồ Tây có vai trò chính là hồ cảnh quan du lịch và điều hoà khí hậu cho khu vực, ngoài ra còn có chức năng bảo tồn hệ sinh vật đặc trưng. Mặc dù ở vị trí địa hình cao nhưng hồ chính và các đầm trong hệ thống vẫn có khả năng điều tiết nước mưa cho một số khu vực xung quanh hồ. Như vậy, đối với vùng đất cận kề mặt nước Hồ Tây cần phải hạn chế xây dựng các nhà cao tầng, các nhà hàng ăn uống,...Cần tăng cường các công trình kiến trúc xanh, kiến trúc sinh thái quanh hồ, làm mềm các đường bờ kè hồ bằng cách rải sỏi cát hoặc trồng các khóm cây thủy sinh ven bờ,... để tạo điều kiện phát triển hệ vi sinh vật và thủy sinh vật vùng bờ hồ.

Khu vực Hồ Tây có vị trí đặc địa và cũng là vùng đô thị hoá mạnh, cho nên việc thu hút đầu tư những dự án mới, việc phát triển theo những mô hình mới,... cần được cân đối giữa việc bảo tồn hệ sinh thái tự nhiên và xây dựng hệ sinh thái nhân tạo.

Trong khu vực này cần bảo tồn các di tích song song với bảo tồn hệ sinh thái, bảo tồn kết hợp với khai thác về du lịch thương mại, bảo tồn các giá trị văn hoá phi vật thể Tràng An và tạo ra được sự kết nối giữa các khu vực bảo tồn với các khu phát triển. Việc phát triển đô thị và khai thác tiềm năng du lịch khu vực Hồ Tây là cần thiết nhưng phải làm sao để không ảnh hưởng đến hệ sinh thái, môi trường và cảnh quan khu vực hồ.

b. Hệ sinh thái sông Hồng

Các bãi giữa, bãi bồi là nơi sinh sống của nhiều cư dân nông nghiệp, tạo thành các hệ sinh thái nông nghiệp bán tự nhiên, thu hút nhiều sự quan tâm của khách du lịch. Hệ sinh thái sông Hồng đáp ứng các tiêu chí du lịch sinh thái, tuy nhiên, các hoạt động du lịch chưa được quản lý tốt từ các hộ gia đình tự tổ chức kinh doanh. Do phát triển tự phát nên các hoạt động này không kiểm soát được các vấn đề về môi trường: sức chịu tải của hệ sinh thái, rác thải gây ô nhiễm. Các hoạt động khai thác cát, canh tác nông nghiệp làm suy giảm nguồn tài nguyên.



Hình 7.9. Bãi giữa sông Hồng

Để phát triển du lịch sinh thái các bãi bồi, bãi giữa, bãi đá sông Hồng, đáp ứng tiêu chí là địa điểm du lịch sinh thái của Hà Nội, chính quyền địa phương cần quản lý hoạt động du lịch sinh thái. Bên cạnh đó, kiểm soát các hoạt động khai thác tài nguyên cát tránh làm biến đổi dòng chảy, gây xói lở các bãi bồi, bãi giữa sông Hồng. Xây dựng nội quy, quy định, giao lực lượng kiểm lâm tăng cường quản lý các hoạt động săn bắt chim, động vật hoang dã. Ngoài ra, hỗ trợ phát triển nông nghiệp sạch theo tiêu chuẩn VietGAP, hạn chế sử dụng thuốc bảo vệ thực vật gây ô nhiễm môi trường và tác động xấu đến các hệ sinh thái tự nhiên trong khu vực.

c. Hệ sinh thái khu dân cư nông thôn

Phần lớn diện tích nông thôn của Hà Nội nằm trong khu vực vành đai xanh. Các thị trấn hoặc thị tứ sẽ là trung tâm các tiểu vùng. Chiến lược xây dựng và phát triển nông thôn mới gắn với phát huy thế mạnh của làng nghề, phát triển nông nghiệp sạch, du lịch sinh thái, bảo tồn, gìn giữ những không gian, giá trị văn hoá truyền thống... Nông nghiệp sinh thái hoạt động theo mô hình giáo dục, du lịch trải nghiệm, mang lại hiệu quả kinh tế cao, tạo diện mạo mới cho khu vực nông thôn như: mô hình du lịch sinh thái – làng nghề ở xã Hồng Vân (huyện Thường Tín); Trang trại Đồng quê (huyện Ba Vì); Vườn sinh thái Phúc Thọ hoa bay (huyện Phúc Thọ),...

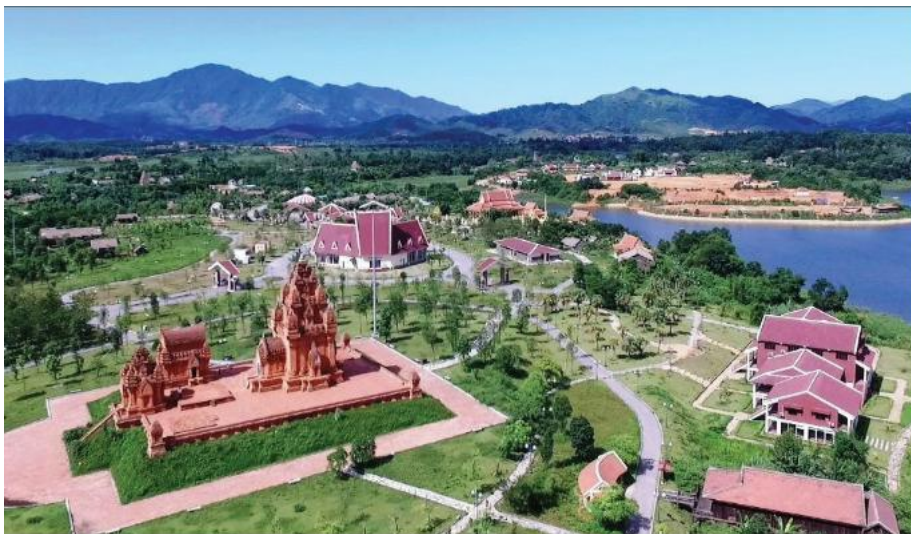
Dưới tác động của các hoạt động kinh tế – xã hội, việc khai thác tài nguyên rừng quá mức làm mất cân đối trong lớp phủ, mất đi nhiều loài động vật có ích. Việc sử dụng phân bón hoá học và thuốc trừ sâu không đúng cách làm ảnh hưởng đến các hệ sinh thái. Ngoài ra, chất thải sinh hoạt và công nghiệp ảnh hưởng đến môi trường sống của con người và sinh vật. Ô nhiễm đất, nước mặt và nước ngầm đã xảy ra ở quy mô cục bộ và có khả năng lan rộng. Chính vì sự suy giảm của các hệ sinh thái, các cơ quan chức năng đã có các giải pháp để phục hồi và bảo vệ rừng. Sản xuất nông nghiệp theo hướng nông nghiệp xanh, tận dụng được các nguồn phân bón hữu cơ trong quá trình sản xuất. Sản xuất nông nghiệp trên vùng núi tạo độ che phủ ổn định. Đối với sản xuất nông nghiệp ở đồng bằng cần sử dụng hợp lý phân bón hữu cơ, vô cơ, hạn chế sử dụng hoá chất bảo vệ thực vật, sử dụng các chế phẩm sinh học thân thiện với môi trường.



Hình 7.10. Mô hình trồng bưởi hữu cơ ở Ba Vì

d. Hệ sinh thái Đồng Mô – Ngải Sơn

Hệ sinh thái Đồng Mô – Ngải Sơn có khu bảo tồn loài – sinh cảnh Đồng Mô – Ngải Sơn bao gồm toàn bộ diện tích hồ Đồng Mô và các khu rừng sản xuất bao quanh. Cùng với đó là quần thể Làng văn hoá các dân tộc Việt Nam đã được Chính phủ phê duyệt tại Quyết Định số 935/QĐ–TTg ngày 30/6/2009; có vai trò bảo tồn một số loài động vật hoang dã; quản lý, bảo vệ và phát triển rừng và phát triển du lịch, dịch vụ. Đây là nơi giới thiệu về con người cũng như văn hoá các dân tộc của Việt Nam và cũng là nơi gặp gỡ, trao đổi, tăng cường tình đoàn kết, gìn giữ và phát huy bản sắc văn hoá của đồng bào các dân tộc.



Hình 7.11. Làng văn hoá các dân tộc Việt Nam

Đây là khu vực có truyền thống sản xuất nông nghiệp, đẩy mạnh phát triển mô hình kinh tế trang trại và kinh tế hộ gia đình,... thu hút không chỉ khách du lịch trong nước mà cả khách quốc tế.



Nêu vai trò của đa dạng sinh học đối với tự nhiên và đối với con người.



Luyện tập

1. Hãy tìm hiểu vấn đề đa dạng sinh học các hệ sinh thái ở địa phương em và đề xuất ý tưởng bảo tồn, phát triển đa dạng sinh học của các hệ sinh thái đó.
2. Lựa chọn một hệ sinh thái của thành phố Hà Nội và phân tích về mối quan hệ giữa đa dạng sinh học của hệ sinh thái đó với phát triển bền vững.



Vận dụng

1. Cùng các bạn trong lớp xây dựng và thực hiện kế hoạch tuyên truyền với chủ đề: “Chung tay phục hồi hệ sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học”.
2. Vẽ tranh cổ động về bảo tồn và sử dụng bền vững các hệ sinh thái tự nhiên ở thành phố Hà Nội.

Giải thích thuật ngữ

Thuật ngữ	Giải thích	Trang*
An toàn lao động	Giải pháp phòng, chống tác động của các yếu tố nguy hiểm nhằm bảo đảm không xảy ra thương tật, tử vong đối với con người trong quá trình lao động.	21
Bảo hiểm thất nghiệp	Chế độ nhằm bù đắp một phần thu nhập của người lao động khi bị mất việc làm, hỗ trợ người lao động học nghề, duy trì việc làm, tìm việc làm trên cơ sở đóng vào Quỹ bảo hiểm thất nghiệp.	24
Bảo hiểm xã hội	Sự bảo đảm thay thế hoặc bù đắp một phần thu nhập của người lao động khi họ bị giảm hoặc mất thu nhập do ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, hết tuổi lao động hoặc chết, trên cơ sở đóng vào quỹ bảo hiểm xã hội.	24
Bảo hiểm y tế	Hình thức bảo hiểm bắt buộc được áp dụng đối với các đối tượng theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế để chăm sóc sức khỏe, không vì mục đích lợi nhuận do Nhà nước tổ chức thực hiện.	24
Cáp quang băng thông rộng	Đường truyền dữ liệu bằng cáp quang cho phép truyền nhiều tín hiệu và nhiều đường truyền cùng lúc.	45
Công nghệ cao	Công nghệ có hàm lượng cao về nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; được tích hợp từ thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại; tạo ra sản phẩm có chất lượng, tính năng vượt trội, giá trị gia tăng cao, thân thiện với môi trường; có vai trò quan trọng đối với việc hình thành ngành sản xuất, dịch vụ mới hoặc hiện đại hoá ngành sản xuất, dịch vụ hiện có.	42
Công nghiệp phần mềm	Công nghiệp sản xuất các sản phẩm phần mềm, bao gồm phần mềm hệ thống, phần mềm ứng dụng, phần mềm điều khiển, tự động hoá và các sản phẩm tương tự khác; cung cấp các giải pháp cài đặt, bảo trì, hướng dẫn sử dụng,... trong công nghệ thông tin.	43

Thuật ngữ	Giải thích	Trang*
Cưỡng bức lao động	Việc dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc các thủ đoạn khác để ép buộc người lao động phải làm việc trái ý muốn của họ.	23
Đa dạng sinh học	Đa dạng sinh học là sự phong phú về gen, loài sinh vật và hệ sinh thái trong tự nhiên.	48
Di sản văn hóa phi vật thể	Sản phẩm tinh thần gắn với cộng đồng hoặc cá nhân, vật thể và không gian văn hoá liên quan, có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học, thể hiện bản sắc của cộng đồng, không ngừng được tái tạo và được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác bằng truyền miệng, truyền nghề, trình diễn và các hình thức khác.	13
Đô thị đặc biệt	<p>Đô thị được xác định theo một số tiêu chí quan trọng như:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Vị trí, chức năng, vai trò là Thủ đô hoặc trung tâm tổng hợp cấp quốc gia, quốc tế về kinh tế, tài chính, văn hoá, giáo dục, đào tạo, du lịch, y tế, khoa học và công nghệ, đầu mối giao thông, giao lưu trong nước và quốc tế, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế – xã hội của cả nước. – Quy mô dân số toàn đô thị đạt từ 5.000.000 người trở lên; khu vực nội thành đạt từ 3.000.000 người trở lên. – Mật độ dân số: Toàn đô thị đạt từ 3.000 người/km² trở lên; Khu vực nội thành tính trên diện tích đất xây dựng đô thị đạt từ 12.000 người/km² trở lên. – Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp: Toàn đô thị đạt từ 70% trở lên; Khu vực nội thành đạt từ 90% trở lên. – Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế – xã hội; trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan đô thị đạt các tiêu chuẩn quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị quyết 1210/2016/UBTVQH13. 	33
Giáo dục nghề nghiệp	Một bậc học của hệ thống giáo dục quốc dân nhằm đào tạo trình độ sơ cấp, trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng và các chương trình đào tạo nghề nghiệp khác cho người lao động, đáp ứng nhu cầu nhân lực trực tiếp trong sản xuất, kinh doanh và dịch vụ, được thực hiện theo hai hình thức là đào tạo chính quy và đào tạo thường xuyên. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp bao gồm: trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp, trường cao đẳng.	24

Thuật ngữ	Giải thích	Trang*
Hệ sinh thái	Hệ sinh thái bao gồm quần xã sinh vật và môi trường sống của quần xã (sinh cảnh), trong hệ sinh thái các sinh vật luôn luôn tác động lẫn nhau và tác động qua lại với các nhân tố vô sinh của môi trường trường tạo thành một hệ thống hoàn chỉnh và tương đối ổn định.	4
Năng lực hành vi lao động	Khả năng của người lao động bằng chính hành vi của bản thân mình trực tiếp tham gia vào quan hệ pháp luật lao động để hưởng các quyền và thực hiện những nghĩa vụ pháp lý trong quá trình lao động. Năng lực hành vi lao động được xác định dựa trên thể lực – khả năng người lao động có sức khỏe để thực hiện công việc theo thoả thuận trong hợp đồng lao động và trí lực – khả năng nhận thức của người lao động đối với hành vi lao động mà họ thực hiện. Vì vậy, muốn có năng lực hành vi lao động, con người phải đạt đến độ tuổi nhất định. Căn cứ vào đặc điểm tâm sinh lý và điều kiện kinh tế - xã hội của người Việt Nam, Nhà nước ta quy định công dân có năng lực hành vi lao động khi họ đủ 15 tuổi.	17
Nghĩa vụ của người lao động	Việc mà theo quy định của pháp luật, người lao động bắt buộc phải làm hoặc không được làm đối với Nhà nước và người sử dụng lao động.	24
Người sử dụng lao động	Doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân có thuê mướn, sử dụng người lao động làm việc cho mình theo thoả thuận.	24
Phân biệt đối xử (trong lao động)	Là hành vi phân biệt, loại trừ hoặc ưu tiên dựa trên chủng tộc, màu da, nguồn gốc quốc gia hoặc nguồn gốc xã hội, dân tộc, giới tính, độ tuổi, tình trạng thai sản, tình trạng hôn nhân, tôn giáo, tín ngưỡng, chính kiến, khuyết tật, trách nhiệm gia đình hoặc trên cơ sở tình trạng nhiễm HIV hoặc vì lí do thành lập, gia nhập và hoạt động công đoàn, tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp có tác động làm ảnh hưởng đến bình đẳng về cơ hội việc làm hoặc nghề nghiệp.	18
Phúc lợi tập thể	Những lợi ích về vật chất và cả tinh thần được thực hiện nhằm mục đích cải thiện chất lượng sống và hiệu suất làm việc của người lao động như tiền hỗ trợ may trang phục; khám sức khỏe định kì; tiền nghỉ phép hàng năm,...	22

Thuật ngữ	Giải thích	Trang*
Quan hệ lao động	Quan hệ xã hội phát sinh trong việc thuê mướn, sử dụng lao động, trả lương giữa người lao động, người sử dụng lao động, các tổ chức đại diện của các bên, cơ quan nhà nước có thẩm quyền.	18
Quấy rối tình dục tại nơi làm việc	Hành vi có tính chất tình dục của bất kì người nào đối với người khác tại nơi làm việc mà không được người đó mong muốn hoặc chấp nhận. Trong đó, nơi làm việc là bất kì nơi nào mà người lao động thực tế làm việc theo thoả thuận hoặc phân công của người sử dụng lao động.	23
Quyền của người lao động	Những điều mà pháp luật công nhận và đảm bảo thực hiện đối với người lao động để người lao động được hưởng, được làm, được đòi hỏi mà không bị ngăn cản, hạn chế.	19
Tiêu chuẩn an toàn, vệ sinh lao động	Những quy định về đặc tính kĩ thuật và yêu cầu quản lí dùng làm chuẩn trong an toàn lao động, vệ sinh lao động và bắt buộc áp dụng đối với đơn vị sử dụng lao động. Có hai loại tiêu chuẩn là tiêu chuẩn cấp nhà nước áp dụng đối với mọi đơn vị sử dụng lao động và tiêu chuẩn cấp ngành do các bộ, cơ quan ngang bộ có trách nhiệm xây dựng, ban hành, hướng dẫn áp dụng tại các đơn vị sử dụng lao động trong phạm vi ngành đó.	20
Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP)	Giá trị sản phẩm vật chất và dịch vụ cuối cùng được tạo ra trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong một khoảng thời gian nhất định.	36
Trá hình	Mang một hình thức khác nhằm che giấu bản chất thật.	26
Vệ sinh lao động	Giải pháp phòng, chống tác động của yếu tố có hại gây bệnh tật, làm suy giảm sức khoẻ cho con người trong quá trình lao động.	20

* Trang sách có thuật ngữ xuất hiện lần đầu

Nguồn ảnh

Trang	Hình ảnh	Nguồn ảnh
6	Hình 1.1	TTXVN
6	Hình 1.2	TTXVN
7	Hình 1.3	Shutter Stock
7	Hình 1.4	Shutter Stock
8	Hình 1.5	Shutter Stock
9	Hình 1.6	Shutter Stock
9	Hình 1.7	Báo Hà Nội mới
10	Hình 1.8	Shutter Stock
10	Hình 1.9	TTXVN
11	Hình 1.10	TTXVN
13	Hình 2.1	Shutter Stock
13	Hình 2.2	TTXVN
15	Hình 2.3	TTXVN
15	Hình 2.4	TTXVN
16	Hình 2.5	TTXVN
19	Hình 3.1	Báo Hà Nội mới
19	Hình 3.2	TTXVN
20	Hình 3.3	Shutter Stock
23	Hình 3.4	Shutter Stock
28	Hình 4.1	Báo Hà Nội mới
28	Hình 4.2	Báo Hà Nội mới
29	Hình 4.3	Báo Hà Nội mới
29	Hình 4.4	Báo Hà Nội mới

Trang	Hình ảnh	Nguồn ảnh
30	Hình 4.5	Trường THCS Tốt Động
30	Hình 4.6	Trường THCS Phú Thượng
37	Hình 5.2	Shutter Stock
37	Hình 5.3	Shutter Stock
38	Hình 5.4	Shutter Stock
38	Hình 5.5	Shutter Stock
39	Hình 5.6	Shutter Stock
39	Hình 5.7	Lan Anh
40	Hình 5.8	Shutter Stock
43	Hình 6.1	TTXVN
45	Hình 6.2	TTXVN
49	Hình 7.1	Shutter Stock
50	Hình 7.2	Shutter Stock
50	Hình 7.3	Shutter Stock
51	Hình 7.4	Shutter Stock
52	Hình 7.5	Báo Hà Nội mới
53	Hình 7.6	Shutter Stock
54	Hình 7.7	TTXVN
55	Hình 7.8	Shutter Stock
56	Hình 7.9	Shutter Stock
57	Hình 7.10	TTXVN
58	Hình 7.11	Shutter Stock

TÀI LIỆU GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI - LỚP 10

Mã số: ...

In bản, (QĐ) khổ 19 x 26,5 cm.

Đơn vị in: địa chỉ

Cơ sở in: địa chỉ

Số ĐKXB: .../CXBIPH/.../GD.

Số QĐXB: /QĐ - GD - HN ngày ... tháng ... năm 20...

In xong và nộp lưu chiểu tháng ... năm 20...

Mã số ISBN: